

Lời Đầu Sách

Liễu Phàm Tứ Huấn (Bốn Bài Dạy của Liễu Phàm) là cuốn sách được lưu truyền rất rộng rãi trong dân gian Trung Quốc từ bao đời nay. Liễu Phàm tiên sinh là bậc học rộng, ngay từ nhỏ đã say mê nghiên cứu sách vở, sau đó đạt làm quan, thực hiện được nhiều điều ích nước, lợi dân, được nhiều người biết đến. Nhưng Liễu Phàm thực sự lưu danh không chỉ vì ông là vị quan cương trực, được nhân dân yêu mến, có nhiều công lao với triều đình, mà hơn hết là vì ông đã dành nhiều tâm huyết cũng như chí hướng của đời mình để soạn ra bốn chương đoản văn, bấy giờ gọi là “Giới Tử Văn” (văn răn dạy con) để dạy con mình, sau đó được lưu hành rộng rãi trong đời, tức là sách “Bốn Lời Dạy của Liễu Phàm” mà các bạn đang có trong tay.

Đọc sách của người xưa, cảm nhận cái hay cái quý trong tư tưởng của người xưa, từ đó thực hành theo sách, giúp chúng ta hành thiện, lánh ác, phát huy đức khiêm tốn, biết hối cải lỗi lầm, từ đó có được cách lập thân cho quý vị. Tấm lòng muốn làm việc thiện, muốn giúp người, giúp đời ngày một tốt đẹp hơn đã thúc đẩy chúng tôi bỏ nhiều tâm lực để biên dịch, in ấn cuốn sách. Mong nhận được từ quý vị nhiều tri ân, tri kỷ qua cuốn sách nhỏ này.

Xin chân thành cảm ơn.



Bài Thứ Nhất

HỌC CÁCH LẬP MẠNG

Khi ta còn nhỏ, cha ta đã qua đời. Mẹ ta muốn ta từ bỏ việc học hành khoa cử mà chuyển sang học Y Khoa. Bà bảo: “Học y khoa thì có thể nuôi dưỡng sinh mạng, lại có thể cứu giúp người khác. Lại nữa, học Y thuật cho tinh thuần thì có thể trở thành bậc danh y. Đây là tâm nguyện của cha con trước kia.”

Về sau ta đến chùa Từ Vân, gặp một vị lão nhân râu tóc rậm rạp, tướng mạo phi phàm, trông phiêu nhiên như bậc tiên phong đạo cốt. Ta bèn cung kính vái chào. Vị lão nhân nói với ta: “Anh là người thuộc chốn quan trường, sang năm đi thi được, tại sao lại không lo học?” Ta bèn đem chuyện mẹ ta bảo ta bỏ việc học khoa cử mà theo học Y thuật kể cho lão nhân nghe, đồng thời hỏi tính danh, quê quán và trú xứ của cụ.

Lão nhân trả lời: “Ta họ Khổng, người ở Vân Nam, Thiệu tiên sinh là người tinh thông Hoàng cực số, đã chính thức truyền nghề này cho ta. Cứ theo lý số mà tính thì ta nên đem Hoàng cực số mà truyền lại cho anh.” Do đó, ta thỉnh cụ về nhà thưa chuyện lại cho mẹ ta nghe. Mẹ ta khuyên ta nên khéo hầu

cụ. Bà còn bảo: “lão tiên sinh đã tinh thông ý nghĩa của lý số, hãy mời ngài suy đoán xem có linh nghiệm không!” Kết quả là những suy đoán của Không tiên sinh, tuy là những việc rất nhỏ nhưng thấy đều linh nghiệm vô cùng.

Ta nghe Không tiên sinh nói thì động lòng muốn học hành, liền bàn bạc với người anh cô cậu của ta là Trần Xung. Anh ấy bảo: “Úc hải Cốc tiên sinh đang mở lớp dạy tại nhà Trần hữu Phu, thu nhận học trò đến học. Anh đưa em đến đó trọ học thì tiện vô cùng.” Do đó, ta bái Úc hải Cốc tiên sinh là thầy.

Không tiên sinh đã suy đoán số phận của ta rằng: Khi ta còn là đồng sinh (học trò chưa có danh phận), thi kỳ Huyện khảo, ta đỗ thứ 14, thi kỳ Phủ khảo ta đỗ thứ 71, thi kỳ Đề học ta đỗ thứ 9. Đến năm sau, quả nhiên trong cả ba kỳ thi, số thứ tự tên ta đều hoàn toàn đúng như thế.

Không tiên sinh còn suy đoán việc lành việc dữ suốt cả đời ta. Cụ bảo năm nào thi thì đậu thứ mấy, năm nào thi thì được bổ Bẩm sinh (được cho gạo), năm nào thi thì được làm Cống sinh. Cho đến khi được làm Xuất cống, thì vào năm nào được tuyền làm Tri huyện tại một huyện của tỉnh Tứ Xuyên. Khi tại chức được ba năm rưỡi thì vào giờ Sửu ngày 14 tháng 8 năm ấy, ta sẽ mệnh chung, đáng tiếc là chẳng có

con cái gì! Mấy lời này, ta đều nhất nhất ghi chép, lại còn cẩn thận nhớ kỹ.

Từ đó về sau, hễ đến lúc dự kỳ thi nào, ta đỗ thứ hạng trước sau đều không khác gì với số mục mà Khổng tiên sinh đã dự đoán.

Tuy nhiên, chỉ tính số lúa gạo mà ta lãnh thì theo Khổng tiên sinh, khi lãnh được 91 thạch 5 đấu thì ta mới được làm Xuất cống. Thế mà khi ta mới ăn được 71 thạch gạo thì vị Học đài (tương đương với Trưởng phòng giáo dục) Đồ Tông sư đã phê chuẩn cho ta làm Cống sinh rồi. Ta thầm hoài nghi những gì Khổng tiên sinh suy đoán có thể có vài điều không linh nghiệm.

Sau đó, quả nhiên vị Thư lý Học đài (tương đương với quyền trưởng phòng Giáo dục) là Dương Tông sư phê bác, không chịu cho ta được bổ Cống sinh. Đến năm Đinh Mão, nhân Thu Minh Tông sư đọc được bài thi của ta, thấy không được đậu thì lấy làm tiếc cho ta, mới cảm khái than rằng: “Năm thiên sách của bài thi này giống như năm thiên sách tấu nghị lên nhà vua, khác gì bậc nho gia uyên bác, sao lại để cho anh ta mai một đến già chứ?” Do đó ngài dặn qua Huyện bảo ta đến mà phê chuyển cho ta được bổ Cống sinh. Qua lần bị ngưng trệ ấy khiến phải lãnh gạo Bẩm sinh trở lại, tính ra trước đó đã lãnh được

71 thạch gạo, sau lại lĩnh thêm nữa, cộng tất cả là 91 thạch 5 đấu.

Vì phải chịu phen này lận đận, ta càng tin rằng sự thăng trầm về công danh của một người đều đã được ấn định trong số mạng; việc chuyển vận mau hay chậm cũng đều có lúc nhất định. Do đó mà ta xem nhẹ mọi sự, chẳng phải mong cầu gì nữa.

Đến khi ta được tuyển làm Cống sinh theo quy định, ta phải đến học tại Quốc Tử giám ở Bắc Kinh. Cho nên ta phải ở kinh thành một năm. Suốt ngày từ sáng đến tối, ta ngồi yên bất động, chẳng nói năng, suy nghĩ, chẳng xem chữ nghĩa. Đến năm Kỷ Ty, ta trở về học tại Quốc tử giám ở Nam Kinh. Nhưng trước khi vào Quốc Tử giám, ta đế núi Thê Hà bái kiến Thiên sư Vân Cốc Hội. Ta cùng Thiên sư ngồi đối mặt trong một phòng Thiên, suốt ba ngày ba đêm, không ai nhắm mắt.

Thiên sư Vân Cốc hỏi ta: “phàm người ta không thể là thánh nhân được chỉ vì do vọng niệm. (nghĩ bậy tưởng bạ), trong tâm triền qua nhiều lại. Thế mà ông ngồi yên suốt ba ngày, không hề khởi lên một vọng niệm nào, như thế là do đâu?”

Ta đáp: “Số mạng tôi đã được Khổng tiên sinh đoán định rồi. Lúc nào sinh, lúc nào tử, lúc nào đắc ý, thất ý đều đã được định đoạt, không cách nào thay đổi được ; thế thì muốn nghĩ bậy tưởng bạ cũng

không được gì, cũng chỉ là nghĩ suông ; cho nên qua thực tôi chẳng suy tưởng, cũng chẳng có vọng niệm gì cả.”

Thiền sư Vân Cốc cười đáp: “thế mà ta cứ tưởng ông là bậc hào kiệt cao siêu, nay mới biết ông vốn chỉ là một kẻ phàm phu hèn kém!”

Nghe nói xong, ta chẳng hiểu sao nên hỏi ngài nói như thế nghĩa là gì. Thiền sư Vân Cốc nói: “Một người bình thường thì không thể nói không có cái tâm ý thức về sự nghĩ bậy bạ như thế ; đã có cái vọng tâm không giây phút nào ngưng nghỉ như thế thì đây là do bị âm dương trói buộc ; đã bị khí số âm dương trói buộc thì sao có thể nói không có số mạng được? Tuy bảo số mạng nhất định là có, nhưng chỉ người bình thường thì mới bị số mạng trói buộc. Nếu là một vị cực thiện thì số mạng không thể câu thúc vị ấy được. Do vì người cực thiện đáng lẽ phải chịu mọi khổ đau vốn đã được ấn định trong số mạng ; nhưng người ấy làm những việc thiện vô cùng to lớn thì cái sức mạnh của những việc thiện to lớn đó có thể biến khổ thành vui ; cái phận nghèo hèn, đoản mạng biến thành giàu sang, trường thọ. Nhưng nếu người ấy làm việc ác thực lớn thì cái sức mạnh của việc ác lớn ấy có thể biến thành họa, giàu sang, trường thọ thành nghèo hèn, đoản mạng. Đã hai mươi năm nay ông đều bị Khổng tiên sinh đoán định cả, chưa từng đem số mạng mà chuyển đổi tơ hào nào, trái lại bị số

mạng câu thúc. Một người bị số mạng câu thúc thì đấy là kẻ phàm phu. Xem như thế, ông chẳng phải là phàm phu thì là gì chứ?”

Ta hỏi Thiên sư Vân Cốc : “theo như ngài nói thì rốt cục có thể vượt qua được số mạng chăng?” thiên sư đáp: “số mạng do ta tự tạo, phước đức do mình tự cầu; ta làm ác thì tự nhiên mất phước, mình tu thiện thì tự nhiên được phước.”

Từ xưa những gì được nói trong các loại thi thư đều là những giáo huấn đích xác, rõ ràng. Trong kinh Phật của chúng ta có nói: “một người mong cầu giàu sang thì được giàu sang, mong cầu con cái thì được con cái, mong cầu trường thọ thì được trường thọ, chỉ cần làm việc thiện thì số mạng không câu thúc anh ta nổi.” Do vì “nói dối” là đại giới của nhà Phật, há đâu có chuyện Phật, Bồ-tát nói bậy nói bạ để dối gạt người ta?”

Ta nghe nói xong, lòng còn chưa rõ, bèn bước tới một bước mà hỏi: “Mạnh Tử từng nói: Hễ cầu thì được ; đấy là nói cái tâm lý của ta có thể làm được việc. Nếu không phải là sự việc trong tâm ta thì làm sao có thể cứ nhất định cầu cho được? Ví như nói đạo đức nhân nghĩa thì đấy đều là những gì ở trong tâm ta, ta lập chí muốn làm một người đạo đức nhân nghĩa, tự nhiên ta thành một người đạo đức nhân nghĩa ; đấy là có thể dùng hết sức của ta mà mong

cầu. Chứ công danh phú quý thì đâu phải việc trong tâm ta, đấy là những gì ở ngoài cái thân ta. Nếu người khác chịu giúp ta thì ta mới có thể có được, chứ người khác không chịu giúp ta thì ta chẳng có cách nào mà được. Thế thì rốt lại làm sao có thể bảo rằng cầu thì sẽ được?”

Thiền sư Vân Cốc đáp: “Lời nói của Mạnh tử không sai, nhưng ông giải thích sai. Ông há chẳng nghe thấy Lục tổ Huệ Năng đại sư bảo: “các thứ ruộng phước đều nhất định ở trong tâm mỗi người. Phước không xa lìa tâm, ngoài tâm không có ruộng phước nào có thể cầu tìm được. Cho nên trông phước trông họa thấy đều ở tự tâm mình. Chỉ cần từ trong tâm mà cầu phước thì không có cảm ứng nào mà không đến!” Cứ hướng vào tâm của mình mà cầu tìm, đấy chẳng những là đạo đức nhân nghĩa trong tâm có thể cầu tìm được ; mà công danh phú quý ở ngoài thân cũng có thể cầu tìm được ; cho nên bảo là cả trong lẫn ngoài đều được. Nói một cách khác, vì trông ruộng phước mà cầu nhân cầu nghĩa, cầu phước cầu lộc thì ắt là đạt được.

“Trong số mạng có công danh phú quý thì dù không cầu mong vẫn có thể đạt tới được. Trong số mạng không có công danh phú quý thì dù dùng hết mọi phương cách cũng không đạt được. Cho nên nếu một người không thể kiểm soát tình tảo mà cứ mù quáng truy cầu danh lợi phước thọ ở bên ngoài thì dù

đạt được hay không đạt được cũng chẳng nắm bắt được chút gì. Đó chính là đúng hợp với hai câu nói của Mạnh tử: “cầu chi hữu đạo, đạt chi hữu mạng” (cầu thì có đạo lý, đạt được thì có số mạng). Nên nhớ rằng dù cho có đạt được đi nữa thì rốt cục đấy là những gì vốn có trong số mạng chứ không phải do chính mình cầu mà hiệu nghiệm. Cho nên có thể cầu được thì cứ cầu, cầu mà không được chớ nên cầu bừa bãi. Còn như nếu ông cứ một mực mong cầu thì chẳng những không cầu được công danh phú quý ở bên ngoài thân mà còn do vì quá cầu bừa bãi, quá tham lam, vì cầu mà không lựa chọn phương cách thì đấy chính là ném mất đi cái đạo đức nhân nghĩa vốn có trong tâm, há chẳng phải là trong lẫn ngoài đều mất đấy sao? Cho nên mong cầu bừa bãi thì chẳng ích lợi tí nào.”

Thiền sư Vân Cốc lại hỏi ta tiếp: “cụ Khổng đoán định thân mạng ông rốt cục thế nào?” Tất cả những gì Khổng tiên sinh đã suy đoán về ta như năm ấy thì thi cử thế nào, năm nào ta làm quan, ta bao nhiêu tuổi thì chết, ta kể lại tở mĩ rõ ràng cho thiền sư nghe. Thiền sư nói: “ông hãy tự nghĩa mà xem, ông nên tìm kiếm công danh chẳng? Nên có con cái chẳng?”

Ta truy xét rất lâu những gì ta đã làm rồi mới nói: “Tôi không thi đỗ, cũng không nên có con cái. Vì người trong khoa cử phần lớn đều có phước tướng.

Tướng tôi mỏng cho nên phước cũng mỏng. Tôi lại không thể tích tập công đức, tích tập thiện hạnh để tạo căn cơ cho đầy phước. Tôi lại không thể nhẫn nại để đảm đương những việc nhỏ nhặt hay hệ trọng. Người khác có gì không đúng, tôi cũng không thể bao dung (tính tình nóng nảy, độ lượng hẹp hòi). Có lúc tôi còn tự tôn tự đại, đem tài cán trí lực của mình mà phủ lấp người khác. Trong lòng nghĩ thế nào là làm theo thế ấy, tôi tùy tiện giảng bậy nói bừa. Những cung cách như thế đều là cái tướng của phước mỏng, làm sao mà theo cho được khoa cử!

“Ưa thích tinh khiết sạch sẽ vốn là điều tốt, nhưng không nên thái quá, thái quá khiến tính tình trở thành kỳ quặc. Cho nên bảo rằng đất càng không tinh sạch thì lại càng sinh ra nhiều thứ. Ngược lại, nước quá tinh sạch thì lại nuôi cá không được. Tôi quá ưa thích tinh khiết sạch sẽ thì lại hóa ra không gần gũi được nhân tình. Đây là duyên cố thứ nhất khiến không có con cái. Trong trời đất nhờ vào nhật quang ôn hòa mưa gió nhu thuận thì mới sinh trưởng được vạn vật. Tôi thường nóng nảy, không có tính tình ôn hòa cảm hóa, làm sao mà sinh con cái được? Đây là duyên cố thứ hai khiến không có con cái. Nhân ái là căn bản của muôn loài, nếu tâm mang tính tàn nhẫn không có từ bi, cũng như hạt cây, không có lòng nhân, làm sao lớn lên thành cây có trái? Cho nên bảo rằng: nhẫn là cái gốc không

thể nuôi dưỡng; tôi chỉ biết thương tiếc danh tiết của chính mình, chịu hy sinh mình để toàn thiện người khác, tích tập công đức ít ỏi, đó là duyên cố thứ ba khiến không có con cái. Nói năng quá nhiều thì dễ bị thương tổn khí chất, tôi lại hay lảm lời, khí chất bị thương tổn do đó thân thể rất yếu, làm sao mà có con cái được? Đó là duyên cố thứ tư khiến không có con cái. Người ta nhờ vào ba thứ là tinh, khí và thần mới có thể sống được ; tôi ưa uống rượu, rượu dễ làm tiêu tán tinh thần ; một người không đủ tinh lực mà tính sinh con thì không được trường thọ, đó là duyên cố thứ năm khiến không có con cái. Một người ban ngày không chịu ngủ thì ban đêm không nên không ngủ, coi thường ưa thích ngồi mãi suốt đêm, không chịu ngủ, không biết bảo dưỡng nguyên khí, tinh thần, đó là duyên cố thứ sáu khiến không có con cái. Ngoài ra tôi còn có bao nhiêu là sai sót nữa, kể ra không hết được!”

Thiền sư Vân Cốc bảo: “Đâu chỉ có khoa cử là không đáng được, e rằng có nhiều việc không đáng được! (Nên biết rằng có phước hay không có phước đều do tâm tạo ra. Người có trí tuệ thì hiểu được rằng thấy đều là tự làm tự nhận ; người hồ đồ thì nghĩ rằng do vận mạng). Tỷ như trên đời có thể có cái cơ nghiệp ngàn vàng thì nhất định có người hưởng thọ phước báu ngàn vàng; có thể có sản nghiệp trăm vàng thì nhất định có người hưởng thọ

phước báu trăm vàng ; đáng chết đỏi thì nhất định có người phải thọ nhận sự báo ứng chết đỏi. (như người thiện tích góp công đức thì trời làm cho cái phước mà người đáng thọ nhận thành nhiều hơn. Người ác làm bậy thì trời làm cho cái họa mà người ấy phải chịu thành nặng hơn.) Trời bất quá cũng chỉ làm nặng thêm một chút những gì vốn của người ta mà thôi chứ không hoàn toàn chẳng có tư hào ý tứ nào khác cả.”

(Trong đoạn này, Thiên sư Vân Cốc mượn biến giải của người đời để khuyên Phạm tiên sinh nỗ lực tích tập công đức). Việc sinh con cũng giống như gieo hạt giống. Hạt giống dày thì về sau cây dày trái, hạt giống mỏng thì về sau cây mỏng trái. Ví như một người tích tập công đức một trăm đời thì nhất định có con cháu một trăm đời, giữ gìn phước đức của người ấy. Người ấy tích tập công đức 10 đời thì nhất định có con cháu mười đời giữ gìn phước đức ; tích tập công đức 3 đời hoặc 2 đời thì nhất định có con cháu 3 đời, 2 đời giữ gìn phước đức cho đến tích tập công đức trong một đời thì chỉ hưởng phước một đời. Còn như tích tập công đức chưa trọn một đời thì đấy là người tuyệt hậu (không có con cái) ; đấy là do bởi công đức của người này quá mỏng, e rằng còn tích tập không ít những tội lỗi nữa!

Ông đã biết chỗ sở đoản của mình, thế thì ông hãy đem các tướng bạc phước của ông như không

theo đuổi được khoa giáp, không có con cái mà tận tâm tận lực cải biến cho thật sạch hết đi, rồi quyết chí tích tập công đức, quyết chí lo toan mọi thứ cho người, quyết chí thể hiện hòa khí, từ bi với mọi người, lại cần phải thương quý cái tinh thần của chính mình nữa. Hết thấy những gì trước kia, ông hãy xem như đã chết từ hôm qua. Hết thấy những gì về sau này, ông hãy xem như vừa mới sinh ra hôm nay ; nếu làm được như thế tức là ông đã làm cho mới lại, sinh ra lại một thân mạng đầy nghĩa lý.”

“Cái thân thể máu thịt này của chúng ta còn có hạn số, chứ cái sinh mạng đạo đức sao lại không thể làm cảm động đạo lý của trời cao? Thiên thái giám của kinh thư nói: “Trời giáng tội cho anh thì anh còn có thể tránh được, chứ tự anh gây tội thì phải chịu báo ứng, không thể vui vẻ thanh thoi mà sống trên đời được.” Trong Kinh Thi cũng nói: “Người ta phải luôn luôn nghĩ về mình xem những gì mình đã làm có hợp với đạo trời hay không. Rất nhiều phước tự nhiên không cầu mà tự có. Do đó, cầu họa cầu phước thấy đều do tự mình.” Khổng tiên sinh tiên đoán rằng ông không thành đạt khoa cử, không có con cái, tuy rằng đấy là do trời cao đặt định nhưng cũng có thể cải biến được. Ông chỉ cần mở rộng thêm cái thiên tính đạo đức vốn có của ông, cố hết sức làm nhiều việc thiện, tích tập nhiều âm đức thì đấy là cái phước do mình tự tạo (người khác không

thể đoạt đi được), thì làm sao mà không thể thọ hưởng nó được chứ?”

“Kinh Dịch từng tính toán cho người có đức, có lòng nhân hậu, tìm phương cách để hưởng đến điều lòng nhân hậu, tìm phương cách để hưởng đến điều may mắn, tránh được những con người, sự việc, nơi chốn hung hiểm. Nếu bảo rằng vận mạng thì nhất định không thể cải đổi được thì biết chỗ nào mà theo đuổi may mắn, biết nơi đâu mà trốn tránh hung hiểm? Chương thứ nhất mở đầu Kinh Dịch có bảo rằng những gia đình luôn làm thiện ắt sẽ có nhiều phước báu truyền cho con cháu ; cái đạo lý ấy ông có thực sự tin tưởng không?”

Ta tin lời Thiên sư Vân Cốc, bái tạ ngài, tiếp thọ chỉ giáo của ngài ; đồng thời đến trước Phật để nói ra toàn bộ những việc làm sai trái, những tội lỗi của ta từ trước kia ; ta cũng làm một bài văn, trước hết là để cầu thành công trong khoa cử. Ta lại lập thề sẽ làm ba ngàn việc thiện để báo đáp ân đức lớn lao của trời đất, tổ tông đã sinh ra ta.

Thiên sư Vân Cốc nghe ta lập thề sẽ làm ba ngàn việc thiện, liền cầm một loại công quá cách (một loại sổ để ghi điều tốt, điều xấu mà mình đã làm để rồi xem đó mà tự xét mình) đưa cho ta xem, bảo ta cứ theo cách thức như công quá cách đã định mà làm ; việc đã làm không kể tốt hay xấu, mỗi ngày đều ghi

vào công quá cách. Việt tốt thì ghi phía dưới công cách, việc xấu thì ghi phía dưới quá cách. Có điều, nếu làm việc xấu thì nên xem việc xấu ấy lớn nhỏ thế nào rồi lấy chỗ đã ghi phía dưới công quá cách mà giảm trừ đi. Thiên sư cũng bảo ta niệm chú Chuẩn-Đề để gia trọng thêm bằng sức lực của Phật, hy vọng điều ta cầu mong nhất định sẽ hiệu nghiệm.

Thiên sư Vân Cốc lại nói với ta: “Có một loại chuyên gia vẽ bùa chú từng nói: ‘một người mà không biết vẽ bùa thì bị quỷ thần cười chê.’ Vẽ bùa có một phương pháp bí mật truyền lại là không động niệm (không được suy nghĩ). Trong lúc cầm bút vẽ bùa, chẳng những không được nghĩ điều bất chính mà cả đến điều chính đáng cũng phải gạt đi, không nghĩ tới, phải tẩy quét tâm cho thật thanh tịnh, chẳng còn chút tạp niệm nào, hễ có một chút suy nghĩ thì tâm sẽ không được thanh tịnh. Đến khi không còn động niệm gì nữa thì lấy bút chấm vào giấy. Chấm này được gọi là Hỗn Độ Khai Cơ (vì toàn bộ một lá bùa đều bắt đầu từ điểm này cho nên điểm này là điểm căn cơ của lá bùa). Khởi sự vẽ từ một điểm cho đến khi vẽ xong lá bùa mà không có một chút suy nghĩ nào thì lá bùa sẽ rất linh nghiệm. Không những vẽ bùa không được có chút tạp niệm nào, mà phàm thọ cáo trời cao hoặc cầu cải biến vận mạng đều phải dùng cái công phu không vọng niệm, được như thế thì mới cảm động được trời cao.”

“Mạnh tử giảng về cái đạo lý lập mạng có nói rằng: ‘không có sự phân biệt giữa đoán mạng và trường thọ.’ Mới nghe qua có vẻ lạ kỳ ; vì rằng đoán mạng và trường thọ tương phản nhau, hoàn toàn không như nhau, sao lại bảo là giống nhau? Nếu hiểu rõ rằng khi chưa có chút vọng niệm nào thì cũng như đứa bé còn nằm trong bào thai thì hiểu được rằng chẳng có sự khác biệt nào giữa đoán mạng và trường thọ! (đến khi đứa bé ra khỏi bào thai, dần dần có trí thức, có cái tâm phân biệt ; bấy giờ nghiệp thiện nghiệp ác đã tạo trong đời trước mới báo ứng, bấy giờ mới có sự phân biệt đoán mạng và trường thọ). Do đó vận mạng là do tự mình tạo ra vậy. Nếu đem hai chữ lập mạng ra mà phân tích, giảng giải thì giàu sang cũng như nghèo hèn, phải xem là cũng không khác nhau. (không được ỷ giàu sang có tiền bạc mà tùy tiện lung tung, nghèo hèn cũng không được hồ đồ làm bậy ; đến khi hết đường thì mới an phận giữ mình mà làm người tốt). Hiểu được như thế thì mới có thể cải biến cái số mạng vốn nghèo nàn của mình thành giàu có, cải biến cái số mạng vốn giàu có thành giàu có hơn hoặc giàu có lâu dài hơn. Bế tắc hay phát đạt, cũng phải xem là không khác nhau (cũng không phải vì mình bất đắc chí mà không đoái hoài đến mọi sự rồi tùy tiện viễn vông. Người được thông đạt cũng không thể ỷ thế mà khinh rẻ người ta, rồi tạo nên các loại tội nghiệp ; càng đắc ý thì càng phải

làm thiện, bỏ ác, trồng ruộng phước rộng khắp). Hiểu được như thế thì mới cải biến được cái số mạng vốn bế tắc thành thông đạt ; cải biến cái số mạng vốn thông đạt thành thông đạt hơn. Yếu và thọ phải xem là không khác nhau. Không thể nói rằng: “Tôi đoán mạng, chẳng bao lâu sẽ chết, để rồi thừa lúc còn sống mà tùy tiện làm việc ác, tự làm hư hoại mình (phải hiểu rằng trót sinh ra mà đoán mạng thì càng phải làm người tốt, hy vọng đời sau sẽ không đoán mạng và đời cũng có thể kéo dài tuổi thọ đôi phần). Người có số mạng trường thọ chớ nên nhận rằng mình sống lâu mà phá bỏ số mạng, làm ác, trộm cắp, tà dâm (phải hiểu rằng không dễ gì được trường thọ, cần phải làm người tốt mới giữ được sự trường thọ của mình). Hiểu rõ được ý nghĩa này thì mới có thể cải đổi cái yếu mạng vốn có của mình thành trường thọ ; cải đổi các thọ mạng vốn có của mình càng thêm trường thọ kiện khang. Con người sống trên đời chỉ có sự quan hệ giữa sinh và tử là trọng đại nhất ; cho nên yếu cũng như thọ là trọng đại nhất như thế thì ngoài ra, mọi thuận cảnh “giàu có và phát đạt,” hay mọi nghịch cảnh “nghèo nàn và bế tắc” cũng đều tự bao gồm từ bên trong vậy. (Mạnh tử giảng về lập mạng, chỉ giảng đến yếu, thọ không giảng đến giàu có, nghèo nàn, bế tắc, phát đạt, chính là ý nghĩa này đó vậy).

“Mạnh tử bảo: “Tu thân dĩ tứ chi” (tu thân để chờ đợi) chính là bảo mình từng giờ từng phút phải tu dưỡng đức hạnh chớ tạo sai lầm tội ác. Số mạng mà cải biến được hay không cải biến được là do việc tích đức, việc cầu trời. Nói đến chữ “Tu” là nói đến thân mình có một số sai lầm, tội ác ; giống như trị bệnh, xóa bỏ hết sai lầm tội ác đi. Nói đến “Tứ” là nói chớ đến khi công phu tu hành đã sâu dày thì số mạng tự nhiên biến thành tốt lành. Không được có chút tư hào ý tưởng vẫn vợ, cũng không được để cho ý niệm khởi dậy như vậy mà phải hoàn toàn vứt bỏ đoạn tuyệt nó đi ; làm được đến như thế tức là đã đến được cảnh giới của ý niệm tiên thiên bất động ; đến được cái công phu này chính là vấn đề chân chánh của người đời.”

Ban đầu ta có danh hiệu là Học Hải, nhưng từ hôm đó trở đi, ta đổi là Liễu Phàm; ta hiểu rõ cái đạo lý lập mạng, không muốn giống với phàm phu. (quét sạch hết các biến giải của phàm phu, cho nên gọi là Liễu Phàm). Từ đó về sau ta suốt ngày lưu ý cẩn thận, tự mình cũng cảm thấy rất khác với trước kia. Trước kia ta hồ đồ tùy tiện, chẳng chút câu thúc ; đến nay tự nhiên lưu ý cẩn thận, canh cánh giữ gìn. Tuy ở chỗ phòng tối không có ai, ta cũng lo sợ đắc tội với trời đất quỷ thần. Gặp ai cưỡng ép, phỉ báng, ta cứ an nhiên tiếp thọ, không so đo tranh luận với họ.

Vào năm thứ hai sau lần gặp Thiền sư Vân Cốc, ta đến Bộ Lễ để dự thi. Cứ như Khổng tiên sinh đoán số mạng của ta thì ta đỗ thứ ba, nào ngờ ta đỗ thứ nhất. Lời đoán của Khổng tiên sinh không linh ứng nữa rồi. Khổng tiên sinh không đoán ta có thể đỗ Cử nhân, nào ngờ đến kỳ thi Hương, vào mùa Thu ta lại đỗ Cử nhân. (những điều nào đều không ứng định trong số mạng của ta. Thiền sư Vân Cốc nói: vận mạng có thể cải đổi được, ta lại càng tin vào câu nói ấy).

Tuy ta đã sửa đổi khá nhiều những sai trái, nhưng mỗi khi gặp phải những sự việc nên làm, ta vẫn chưa thể nhất tâm nhất ý mà làm ; ngay khi bảo làm thì làm, nhưng vẫn cảm thấy miễn cưỡng không tự nhiên lắm. Tự mình kiểm điểm phân tích lại, ta nhận thấy những sai trái của mình vẫn còn nhiều. Nhìn thấy việc thiện, tuy vẫn chịu làm, nhưng ta vẫn chưa thể cả gan liều mạng mà làm. Có khi gặp lúc cần cứu người, tâm ta thường nghi hoặc không cương quyết cứu người. Tự mình tuy miễn cưỡng vào việc thiện, nhưng ta thường nói năng sai quấy. Mỗi lúc tỉnh táo thì ta còn có thể giữ mình, nhưng sau khi uống rượu say, lại bừa bãi lung tung. Tuy ta thường làm việc thiện, tích tập đôi phần công đức ; nhưng sai trái của ta cũng rất nhiều, lấy công bù tội, sợ e không đủ. Ngày tháng trôi qua ; kể từ năm Kỷ Tỵ khi ta nghe được giáo huấn của Thiền sư Vân Cốc cho đến năm

Kỷ Mão, trải qua hơn 10 năm, ta mới làm xong được ba ngàn việc thiện.

Bấy giờ ta vừa mới cùng Lý Tiệm An tiên sinh từ quan ngoại trở về, chưa kịp đem ba ngàn việc thiện đã làm mà hồi hướng. Đến năm Canh Thìn, ta từ Bắc Kinh trở về Nam mới thỉnh được hai vị đại Hòa-thượng cao đức là Tính Không và Tuệ Không, mượn Thiên đường Đông Tháp hoàn tất cái nguyện tâm hồi hướng của ta. Đến lúc ấy, ta lại khởi tâm nguyện mong cầu có con cái. Ta cũng lập đại nguyện làm ba ngàn việc thiện. Đến năm Tân Tỵ ta sinh ra con, đặt lên là Thiên Khải.

Mỗi khi ta làm một việc thiện, liền lấy bút ghi lại ; mẹ con không biết viết chữ, nên mỗi khi làm một việc thiện, bà lấy bút lông ngỗng vẽ một vòng đỏ lên tờ lịch. Hoặc mang thức ăn cho người nghèo, hoặc mua vật còn sống mà phóng sanh, mẹ con đều nhớ khuyên một vòng, có khi trong một ngày bà khuyên được mười mấy vòng đỏ! (trở ý một ngày làm được mười mấy việc thiện). Cứ như thế cho đến tháng 8 năm Quý Mùi, ba ngàn việc thiện nguyện làm đã được làm xong. Ta lại thỉnh quý Hòa-thượng Tính Không, Tuệ Không đến làm lễ hồi hướng tại nhà. Đến ngày 13 tháng 9 năm ấy, ta lại nguyện được đỗ Tiến sĩ, lại lập nguyện lớn sẽ làm một vạn việc thiện. Đến năm Canh Thìn, ta đỗ Tiến sĩ. Bộ Lại liền bổ ta giữ chức Tri huyện đang khuyết ở huyện Bửu Chỉ.

Trong lúc làm Tri huyện ở huyện Bửu Chỉ, ta chuẩn bị sẵn một cuốn công cách nhỏ, cuốn này ta gọi là “trị tâm thiên” (ý nói sợ rằng tâm khởi lên ý tà, niệm bất chánh, do đó mà nói hai chữ ‘trị tâm’). Sáng sớm thức dậy, trong lúc ngồi xét án ở công đường, ta bảo người nhà mang cuốn Trị Tâm Thiên giao cho môn nhân đặt lên bàn làm việc của ta. Việc thiện việc ác ta đã làm trong ngày, dù nhỏ bao nhiêu ta vẫn nhất định ghi vào trị tâm thiên. Tối đến ta bày sách lên bàn ở nhà, mặc quan phục, bắt chước Triệu Duyệt đạo đốt nhang cầu đảo Thiên đế (ngày nào cũng như vậy).

Mẹ con thấy ta không làm được nhiều việc thiện, thường cau mày nói với ta: “Lâu nay tôi ở nhà giúp ông làm việc thiện, cho nên ba ngàn việc thiện mà ông tâm nguyện làm đã được tròn vẹn. Nay ông nguyện làm một vạn việc thiện tại Nha môn, lại chẳng có việc thiện nào làm được, thế thì chờ đến lúc nào mới làm xong?”

Sau khi mẹ con nói như thế, đến tối ta nằm mộng thấy một vị thiên thần. Ta đem cái lý do khiến khó hoàn thành một vạn việc thiện nói cho vị thiên thần ấy biết. Vị ấy bảo: “Nội cái sự việc ông giảm tiền thuế cũng đủ làm trọn một vạn việc thiện rồi.” Thì ra ruộng ở huyện Bửu Chỉ phải thu mỗi mẫu là hai phân ba ly bảy hào bạc; nghĩ rằng dân huyện phải đóng tiền thuế quá nhiều nên ta đã chỉnh lý lại số

ruộng của toàn huyện; tiền thuế phải trả cho mỗi mẫu giảm xuống đến một phân bốn ly sáu hào. Sự việc này đúng là có thật, nhưng ta cũng cảm thấy kỳ lạ, (làm sao vị thiên thần lại biết sự việc này và không biết sự việc này có thể tương ứng với một vạn việc thiện hay không). Bấy giờ lại đúng lúc Thiên sư Huyền Dư từ núi Ngũ Đài đến huyện Bửu Chỉ. Ta kể lại giấc mơ cho Thiên sư nghe, đồng thời hỏi Thiên sư xem việc ấy có thể tin được chăng?

Huyền Dư thiên sư nói: “Làm việc thiện thì phải giữ lòng chân thành (không được có tính hư ý giả, toan tính được báo đáp lại). Như thế thì có một việc thiện cũng có thể tương ứng với một vạn việc thiện rồi. Huống chi ngài đã giảm thuế cho toàn huyện, nông dân toàn huyện đều đã thọ ơn ngài giảm thuế, ngàn vạn người dân do đó mà vơi đi nỗi thống khổ vì thuế nặng, như thế há chẳng được nhiều phước đức sao?”

Nghe Thiên sư nói xong, ta liền lấy tiền lương của ta ra, thỉnh Thiên sư cúng trai cho một đoạn Tăng nhân ở núi Ngũ Đài, đồng thời xin hồi hướng công đức Trai Tăng này.

Cụ Không đoán số mạng ta rằng vào lúc 53 tuổi, thế nào ta cũng bị nguy nan. Ta tuy chẳng cầu trời cho được sống lâu, thế mà năm 53 tuổi ấy, ta tuyệt nhiên chẳng có chút bệnh tật nào. Hiện nay ta đã 69

được thì thôi, không nghĩ cách tiến bộ, cho nên mới phí ổng cả một đời của họ.

Những lời dạy của Thiền sư Vân Cốc về sự lập mạng quả là đạo lý vô cùng tinh tế, thâm sâu vô cùng chân thực, đúng đắn. Hy vọng con sẽ nghiên cứu kỹ càng và sẽ hết lòng hết sức thực hiện, quyết chớ để ngày tháng quý báu trôi qua một cách vô ích.



Bài Thứ Hai

PHƯƠNG PHÁP HỐI CẢI LỖI LẦM

Đào thời Xuân Thu, các quan lại cao cấp ở các nước thường dựa vào ngôn ngữ hành vi của mỗi người mà đoán được họa hay phúc mà người ấy có thể gặp, hầu như hiếm khi không linh nghiệm. Ta có thể xem thấy thế trong các sách như *Tả truyện*, *Quốc ngữ*.

Thông thường, các điều tốt lành hay hung hiểm đều là những phản ứng của mầm mống tử trong tâm xuất phát ra. Tuy mầm mống do từ tâm phát xuất nhưng lại có thể biểu hiện cả đến thân thể, tay chân. Tỷ như một người có phúc dày thì thân thể, tay chân có vẻ ổn định, vững vàng. Một người có phúc mỏng thì thân thể, tay chân có vẻ chao đảo mong manh. Một người mà mang vẻ ổn định, vững vàng thì nhất định sẽ gặp may mắn còn người có vẻ chao đảo, mong manh thì thế nào cũng phải tiếp cận với tai họa. Người thế tục không hiểu biết, mắt như bị màn che, làm sao mà nhận ra được như thế, nên mới bảo là họa phúc khó lường, lại không có cách gì dự liệu.

Một người rất thành thật chẳng chút giả dối thì tâm của người ấy hợp với lòng trời. Do đó người ấy

có thể dùng lòng thành của mình mà đối xử với người với việc, thế là phước tự đến. Cho nên quan sát một người thì chỉ cần xem hành vi của người ấy; nếu mọi hành vi đều thiện thì có thể biết trước phước đức sẽ đến, (ngược lại), quan sát một người mà thấy mọi hành vi của người ấy đều bất thiện thì đều có thể biết trước được tai họa sẽ đến với người ấy. Nếu người ta muốn được phước đức, muốn xa rời tai họa thì trước khi làm việc thiện, hãy đem những sai trái của mình ra mà sửa đổi cho sạch hết đã.

Phương pháp sửa đổi lỗi lầm đầu tiên là phải có “lòng hổ thẹn.” Hãy nghĩ đến các Thánh Hiền ngày xưa, chư vị cũng như ta đều là những trang nam tử, những bậc đại trượng phu, thế mà tại sao họ có thể để lại tiếng thơm trăm đời, mọi người đều xem họ là các bậc sư biểu; còn chúng ta thì cơ sao đời này lại thân bại danh liệt chứ? Đấy bởi chính mình quá ham hưởng lạc, thọ nhận sự ô nhiễm của các loại hoàn cảnh xấu xa, cứ mãi mê làm những việc không nên làm; chính mình chẳng biết tới ai, chẳng xem phép nước vào đâu, chẳng có chút lòng hổ thẹn; thế là cứ ngày ngày trôi lăn chìm nổi giống như cầm thú mà chính mình không nhận ra được. Trên đời này những sự việc khiến cho người ta hổ thẹn là rất quan trọng. Mạnh tử nói “cái lớn lao nhất, quan trọng nhất đối với một người là chữ ‘sỉ’ (hổ thẹn).” Tại sao vậy? Vì hiểu được chữ Sỉ này (thì có thể tận lực

sửa chữa lỗi lầm) thì mới trở thành Thánh, trở thành Hiền; nếu không hiểu được chữ Sĩ này (thì cứ buông lung bậy bạ, mất cả nhân cách), thì cũng giống như cầm thú. Đây là những lời khẳng định chân chính về sự hối cải lỗi lầm.

Phương pháp thứ hai để sửa chữa lỗi lầm là phát tâm dè chừng, lo sợ (lo sợ những gì?). Phải biết rằng trời đất quỷ thần không dễ gì bị lừa dối. Tuy mọi người không thấy ta phạm lỗi tại chỗ nào nhưng trời đất quỷ thần quả là giống như gương soi chiếu ta, soi chiếu rõ ràng môn một điều sai điều ác của ta. Lỗi nặng thì sẽ có bao nhiêu tai họa giáng xuống thân ta; còn như lỗi nhẹ thì ta cũng bị giảm tổn phước báo trong hiện tại, làm sao mà ta không sợ cho được?

Không chỉ như những gì đã nói trên đây tại nơi vắng vẻ trong nhà, sự giám sát của thần minh cũng rất nghiêm ngặt, rất sáng suốt. Tuy ta che giấu những sai ác hết sức bí mật, bưng bít hết sức khéo léo nhưng quỷ thần nhìn vào thì đã sớm thấy ruột gan của ta, dấu vết đầu đuôi đã lộ cả ra. Rốt cục chẳng có cách gì lừa dối được mình. Nếu bị người khác phát hiện thì ta thực chẳng đáng giá một xu. Thế thì tại sao lại không chịu giữ cái tâm e dè lo sợ chứ?

Đến đây cũng vẫn không chỉ như những gì đã nói ở trên ! Một người chỉ cần còn một hơi thở thì dù đã

phạm tội ác tà trời cũng có thể sám hối sửa chữa lỗi lầm. Xưa có một người suốt đời làm ác, đến lúc sắp chết, bỗng thấy được lỗi lầm của mình mà hối hận, phát khởi một niệm thiện lớn lao nên liền được chết một cách an lành. Như thế tức là bảo rằng: nếu vào lúc tối hệ trọng mà chuyển được một niệm thiện thật thống thiết dũng mãnh thì người ta có thể tẩy sạch những tội ác do mình tích chứa cả trăm năm. Tỷ như hang núi cả ngàn năm tối tăm, chỉ cần một ngọn đèn rơi vào thì tại chỗ nào ánh sáng chiếu đến, cái tối tăm từ ngàn năm được trừ sạch. Cho nên lỗi lầm không kể là đã lâu hay mới phạm, chỉ cần hối cải được là yên vậy.

(Tuy có lỗi lầm mà chỉ cần cải hối là tốt, nhưng tuyệt đối không được cho rằng phạm lỗi rồi có thể cải hối và cứ thường phạm tội cũng không sao, đấy là điều dứt khoát không thể được. Nếu như thế tức là cố ý phạm lỗi, tội càng thêm nặng). Lại nữa, cuộc đời bất tịnh này thì huyễn hóa, hoại diệt bất thường, cái thân thể máu thịt của chúng ta thật quá dễ chết, chỉ cần một hơi thở không đến thì cái thân thể này không còn là của ta nữa rồi. Bây giờ có muốn cải đổi cũng không cách gì cải đổi được. (Vả lại, người ta chết rồi thì chẳng mang theo cái gì được; chỉ có cái tội ác là nhất định đi theo mà thôi). Do đó, báo ứng rõ ràng thì tại dương gian, ta phải mang vác cái ác danh trăm ngàn năm; dù có con hiếu thuận, có cháu

hòa ái, chúng cũng không thể thay ta mà rửa sạch cái ác danh. Báo ứng âm thầm thì tại âm gian, tất phải suốt trăm ngàn năm trăm luân trong địa ngục, thọ vô lượng cái khổ lớn lao. Dù có gặp Thánh-nhân, Hiền-nhân, Phật hay Bồ-tát thì chư vị cũng không cứu giúp, không tiếp dẫn ta được; thế thì làm sao mà không sợ chứ?

Thứ ba, dứt khoát phải phát khởi một cái tâm dũng mãnh tiến thẳng về phía trước. Sở dĩ một người đã phạm sai trái mà không chịu cải hối đều là do bởi hễ êm xuôi qua được thì cứ qua, không chịu nỗ lực tinh tiến mà rơi vào chỗ không sợ bị thối thất. Phải biết rằng sám hối tội lỗi thì quyết phải dùng hết sức lực mà hối cải liền chứ đừng chần chừ, nghi hoặc, hôm nay chờ ngày mai, ngày mai chờ ngày một thì tội lỗi không tiêu tan được. Lỗi nhỏ thì giống như gai cắm vào thịt, cần phải gấp tìm cách rút gỡ nó ra. Lỗi lớn thì như rắn độc cắn vào ngón tay, rất nguy hiểm, cần phải gấp rút cắt ngón tay đi, không được có chút ý nghĩ do dự nào cả ; (nếu không thì chất độc sẽ phân tán khắp thân thể, phải chịu chết mà thôi). Đây cũng giống như ý nghĩa ích Quái trong Kinh Dịch, gió khởi, sấm động, vạn vật đều sinh trưởng, lợi ích thật lớn lao như thế đấy. (ví dụ: người ta mà cải hối được lỗi lầm, chuyển về thiện lành thì ích lợi thật lớn vô cùng).

Một người hồi cải lỗi lầm mà chuẩn bị đầy đủ ba loại tâm là: Tâm hổ thẹn, Tâm lo sợ, Tâm dũng cảm thì như thế là có lỗi mà biết hồi cải vậy; giống như lớp băng mỏng mùa xuân gặp ánh nắng, lo gì chẳng tan ra? Nhưng hồi cải lỗi lầm thì có ba loại phương pháp: một là từ thực tế mà hồi cải, hai là từ đạo lý mà hồi cải, ba là từ tâm niệm mà hồi cải. Do vì dùng công phu cho cả ba loại phương pháp ấy không giống nhau cho nên phần hiệu nghiệm đạt được cũng không giống nhau.

(Đây là nói rõ thêm về phương pháp từ thực tế mà hồi cải).

Tỷ như ngày hôm qua ta giết một sinh vật nào đó, hôm nay ta quyết không sát sanh. Hôm qua ta nóng giận lăng mạ người khác, hôm nay ta quyết không nóng giận nữa. Đây là loại phương pháp từ chính sự việc thực tế mà hồi cải lỗi lầm, quyết không tái phạm. Chứ còn cứ miễn cưỡng mà kìm giữ, quyết không tái phạm thì so với việc tự nhiên mà hồi cải, thực khó gấp trăm lần. Đồng thời, cái gốc bệnh này của sự sai phạm không bị loại trừ, vẫn còn ở trong tâm. Tuy nhất thời ta kìm giữ được, nó cũng sẽ lộ xuất mà thôi. Bên đông ta diệt nó đi thì bên tây nó lại lộ xuất ra, đó không phải là phương pháp hồi cải triệt để rốt ráo.

(Ta lại giảng thêm về phương pháp từ đạo lý mà hồi cải lỗi lầm). Người chịu nỗ lực hồi cải lỗi lầm thì

trước khi quyết không làm việc sai trái, người ấy phải hiểu cái ý nghĩa của việc không nên làm kia ; tỷ như một người phạm lỗi sát sanh thì cần phải nghĩ rằng trời cao có cái đức hiếu sanh, hễ có tính mạng thì đều thương tiếc. Giết tính mạng khác để nuôi dưỡng thân thể ta thì hãy tự hỏi tâm mình xem có yên được chăng? Còn mấy con vật bị giết (nhưng còn chưa chết hẳn như các loại tôm, cá, v.v...), trong lúc nửa sống nửa chết, bị bỏ vào nồi nấu, nổi thống khổ như thế thấm vào xương tủy (có tội nghiệp không chứ) ; còn mình thì lại dùng các thứ quý giá, ngon lành đó để nuôi dưỡng mình. Tuy nhiều công như thế nhưng một khi đã ăn rồi thì các thứ ấy đều thành cặn bã, chẳng còn lại thứ gì. Nếu biết rằng người ăn rau đậu, ăn chay cũng có thể no, cần chi phải nhất định làm tổn hại sanh mạng khác (tạo tội sát sanh) mà bị giảm thiểu phước báo của chính mình?

Tỷ như hôm qua ta muốn nổi giận thì nên nghĩ rằng: (mỗi người đều có chỗ tốt đẹp) cũng có người có chỗ còn sai sót ; nếu ta gặp chỗ sai sót của người khác, chiếu theo tình lý thì nên thương tiếc cho sự khổ não của người ấy mà tha thứ chỗ sai sót của anh ta ; nếu có người không suy xét mà mạo phạm đến ta thì phần sai cả phía anh ta chứ có quan hệ gì tới ta? Vốn chẳng hề có sự nóng giận nào có thể phát khởi được vậy!

Lại nghĩ rằng: trong thiên hạ tuyệt đối chẳng hề có bậc hào kiệt nào tự cho rằng mình không có sai lầm nào cả. (Một người mà không tự đánh giá mình được thì đó là một kẻ quá ngây ngô). Ở đời quyết chẳng có cái học vấn nào lại khiến oán hận người khác. (Bởi vì nếu người ta quả có học vấn thì lại càng khiêm cung, cứ nghiêm khắc trách mình mà độ lượng với người, chứ nào có oán hận người khác?) Cho nên người oán hận kẻ khác nhất định là không có học vấn. Do đó, một người mà làm việc gì cũng không được như ý thì đều là do vì chưa tu tốt cái đạo đức của mình, chưa tu đầy công đức của mình, cái tâm làm cảm động người khác chưa có đủ vậy. Cần phải phản tỉnh, kiểm thảo chính mình (xem tự mình có chỗ nào không đúng, không phải đối với người khác). Nếu cố gắng giữ được tâm như thế thì có người nào phỉ báng ta thì đấy lại là cơ hội giáo dục hoặc ngược lại “tôi luyện cho ta, thành tựu cho ta.” Ta phải vui mừng tiếp nhận sự giáo huấn, phê bình mà người khác dành cho ta chứ còn có gì oán hận đâu.

Lại nữa, nếu nghe người khác nói bậy về ta mà ta không nổi giận ; dù người ấy có nói bậy, nói sắc bén đến bao nhiêu đi nữa thì cũng giống như lấy lửa mà đốt không trung, không trung không có vật gì để đốt cháy được, rốt lại lửa sẽ tắt. Nếu nghe người khác nói bậy mà ta nổi giận để rồi dùng hết tâm tư, hết sức lực mà biện giải thì kết quả cũng như con tằm

mùa xuân nhả tơ, tự mình trói buộc mình mà thôi (thường gọi là làm kén tự trói, tự chuốc lấy khổ). Cho nên nóng giận không những không có lợi mà còn có hại nữa. Đây là nói cái hậu quả của sự nóng giận. Chứ còn những loại sai quấy, tội lỗi khác cũng đều cần phải dựa vào đạo lý mà suy nghĩ cho kỹ càng. Cứ hiểu rõ cái ý nghĩa như đã nói trên đây thì tự nhiên sẽ không phạm lỗi lầm nữa.

Tại sao bảo rằng từ tâm mà hồi cải lỗi lầm? Lỗi lầm của người ta gồm hàng ngàn loại, đều do từ tâm mà tạo ra. Tâm ta không động thì sự việc cũng không tạo ra được, thế thì lỗi lầm từ đâu mà sinh ra được? Phàm là người có học, hoặc ưa nữ sắc, hoặc ưa thích thanh danh, hoặc ưa thích tài vật, hoặc ưa thích nổi giận. Đối với những lỗi lầm như vậy, không cần phải tìm kiếm phương pháp diệt trừ từng loại mà chỉ cần một lòng một ý phát khởi cái tâm thiện lành, làm việc thiện lành. Ngay khi ý nghĩ chân chính xuất hiện thì ý nghĩ tà vậy không thể gây ô nhiễm. Vì như khi mặt trời rực sáng đang chiếu trên không trung thì yêu quái tự nhiên chạy trốn mất tiêu, đây chính là sự cải đổi chân chính rất mực tinh thuần mà duy nhất của việc tu tâm sửa lỗi vậy! Nên biết rằng mọi lỗi lầm đều do cái tâm này tạo ra, do đó cũng phải do cái tâm này cải đổi ; thật giống như đốn bỏ cây độc, đã đốn thì phải đốn cho thật sạch, nạo bớt hết gốc rễ

thì cây mới không thể mọc lại được, chứ việc gì lại đi chặt từng cành, ngắt từng lá ?

Phương pháp tối cao tối thượng để hồi cải lỗi lầm chính là tu tâm. Tu tâm được lập tức có thể khiến cho tâm thanh tịnh. (Do vì phạm lỗi lầm là nguyên cố khiến tâm dao động mà sinh ra các thứ ý niệm tà vạy). Tu tâm được thì khi một ý niệm tà vạy khởi động tự mình cảm nhận được ngay. Tự mình cảm nhận được thì lập tức khiến tâm dừng lại, không dao động ; tâm không dao động thì ý niệm tà vạy nào cũng tiêu tan và sẽ không còn xâm phạm nữa. Nếu không được như vậy thì nhất định phải hiểu rõ cái lý do của việc phạm lỗi lầm mà loại bỏ nó đi. Nếu như vậy mà vẫn không được thì chỉ còn cách là trong lúc sắp phạm lỗi, hãy dùng phương pháp miễn cưỡng kìm giữ mà quyết không để phạm lỗi.

Nhưng phát nguyện hồi cải lỗi lầm cũng cần có trợ lực ; ban ngày thì cần có bạn bè chân chính thường đến nhắc nhở thức tỉnh ta khi ta hồ đồ bậy bạ ; ban đêm thì cần có quỷ thần chứng minh cho ta. Ngoài ra còn phải hết lòng hết ý mà cung kính sám hối như thế suốt một tuần, hai tuần; cho đến một tháng, hai tháng, ba tháng,... thì nhất định có hiệu nghiệm.

(Sự hiệu nghiệm của việc sám hối lỗi lầm như đã nói trên đây là thế nào?) Như ta cảm thấy tinh thần

thư thái, trong lòng thanh thản ; hoặc cảm thấy trước kia ta ngu tối, nay bỗng nhiên trí huệ rộng mở; hoặc tuy ta ở trong cảnh phiền não rối ren mà lòng vẫn thanh thản sáng suốt, không có gì là không thông; hoặc ta gặp phải kẻ oan gia thù nghịch mà lòng oán hận, sự nóng giận của ta tiêu tan đi, lòng khởi lên niềm hoan hỷ; hoặc trong giấc mộng, ta cảm thấy nhỏ hất ra được những gì hắc ám. (Đây là những ý nghĩ tà vạy, những tư tưởng tà vạy tích tụ thành một loại sắc khí hắc ám; trong mộng mà nhỏ hất ra được thì cái tâm trở nên thanh tịnh nhiều). Hoặc mộng thấy Thánh Hiền thuở xưa đến đê bạt ta, dẫn dắt ta; hoặc mộng thấy chính mình bay lên không trung, tiêu diêu tự tại; hoặc mộng thấy cờ xí sắc sỡ, cho đến các tàn lọng có trang hoàng trân bửu. Các thứ hiếm có, hiếm thấy này đều là những điềm tốt của sự xả trừ sai trái, tiêu tán tội lỗi. Nhưng cũng đừng nên nhân gặp được những cảnh tượng tốt đẹp ấy mà tự cho rằng mình như thế là đã đầy đủ tốt lành, rồi bỏ ngang không tiếp tục tiến lên nữa, không nỗ lực để tiến cho nhanh nữa.

Ngày xưa, vào lúc 20 tuổi, Cừ Bá Ngọc đã có thể thường phản tỉnh về những lỗi lầm mình đã phạm để rồi kiểm thảo hồi cải cho sạch hết. Đến năm 21 tuổi, ông nhận ra rằng những lỗi lầm mình đã hồi cải trước kia chưa hoàn toàn tiêu dứt; đến năm 22 tuổi, nghĩ lại lúc 21 tuổi, ông thấy giống như trong giấc

mộng. Từng năm, từng năm cứ thế trôi qua, ông liên tục hồi cải lỗi lầm ; cho đến năm 50 tuổi, ông lại cảm thấy trong 49 năm qua, ông luôn mắc phải lỗi lầm. Người xưa học hỏi tu tập về việc hồi cải lỗi lầm kỹ càng như thế đấy. Chúng ta đều là những người bình thường, sai lầm, tội lỗi giống như gai trên thân con nhím, tụ tập đầy thâu. Nghĩ lại những việc đã xảy ra trong quá khứ thường có vẻ như chúng ta không nhìn thấy được mình đã có những lỗi lầm nào. Sự việc này do bởi cái tâm thô thấp của chúng ta (không biết tự phản tỉnh), lại giống như con mắt bị màng che, không thấy được hàng ngày mình phạm lỗi lầm ở đâu !

Tuy nhiên sai trái, tội lỗi của một người thậm trọng đến mức độ nào cũng có những chứng cứ có thể thấy được ; hoặc tâm tư hỗn loạn, bế tắc, tinh thần ủy mị, không phấn chấn ; sự việc mới ngay đó đã quên mất, lại thường cảm thấy phiền não vô cùng ; hoặc mỗi khi gặp bậc quân tử phẩm chất cao thượng thì cảm thấy áy náy không yên, cúi đầu biến sắc ; hoặc nghe được những đạo lý quang minh chính đại thì lại cảm thấy không ưa thích ; hoặc thi ân cho người thì bị người oán hận, hoặc đêm ngủ mộng thấy những điều điên đảo, lời thô ; thậm chí nói năng lộn xộn, mất đi cái thể cách bình thường. Những hiện tượng không chân chính, khác thường như thế đều là những biểu hiện của sự phạm lỗi lầm. Hễ ta lâm vào

các tình huống như đã nói trên thì phải lập tức đề khởi tinh thần mà hăng hái hưởng thượng, trừ bỏ hết các lỗi lầm cũ ; đồng thời phải mở ra một con đường sống mới, hy vọng rằng dứt khoát không thể tự mình khiến mình lầm lạc.



Bài Thứ Ba

TÍCH TẬP VIỆC THIỆN

Những phương pháp hối cải lỗi lầm đã giảng trên đây có thể cải hóa hết những lỗi lầm trong đời hiện tại tự nhiên số mạng tốt không thể biến thành số mạng xấu; nhưng những phương pháp ấy vẫn không thể khiến số mạng xấu thành số mạng tốt được. Bởi vì đời nay tuy không phạm lỗi, tạo tội nhưng làm sao biết được rằng đời trước mình không phạm lỗi tạo tội! Nếu đời trước ta phạm tội thì tuy đời nay ta không tái phạm, nhưng tội lỗi ta đã phạm trong đời trước vẫn phải chịu báo ứng. Thế thì làm sao lại có thể khiến “mạng xấu” biến thành mạng tốt được? Như thế không những cần phải cải hối lỗi lầm mà còn cần phải tích thiện tích đức thì mới có thể khiến cho tội lỗi đã tạo trong đời trước tiêu trừ đi. Tích tập nhiều việc thiện thì tự nhiên chuyển đổi mạng xấu thành mạng tốt, đồng thời còn có thể chứng minh được sự hiệu nghiệm của điều này. Kinh Dịch nói: “Gia đình tích tập việc thiện thì nhất định sẽ có rất nhiều điều may mắn, hạnh phúc.” Xưa có người họ Nhan muốn gả con gái cho Thúc Lương Hội nên đem chuyện nhà họ Khổng đã làm mà xét từng sự việc một, biết được rằng tổ tiên họ Khổng đã lâu đời tích

tập phước đức rất nhiều, cho nên đoán biết rằng con cháu họ Khổng nhất định sẽ đại phát (về sau quả nhiên sinh ra được Khổng tử). Lại nữa, Khổng tử xưng tán cái hiếu của vua Thuấn là một sự hiếu thuận siêu phàm. Ngài nói: “cứ như cái đại hiếu của vua Thuấn thì chẳng những tổ tông được hưởng sự tế lễ của ngài mà con cháu ngài đời đời cũng giữ được phước đức của ngài, không thể bị lụn bại.” (Nước Trần thời Xuân Thu chính là con cháu truyền xuống từ vua Thuấn cũng đủ chứng minh sự hưng phát lâu dài của các đời sau vua Thuấn).

Đây là lời thuyết giảng đúng đắn xác thực nhất vậy! Nay chúng ta lại đem cái sự việc chân thực trước kia ra để chứng minh (cái công đức của việc tích tập việc thiện).

Có một vị đã từng giữ chức Thiếu sư, họ Vương tên Vinh, người ở Kiến Ninh tỉnh Phúc Kiến, gia đình nhiều đời sống bằng nghề đưa đò. Có một lần mưa quá lâu, sông suối ngập đầy, thế nước hoành hành dữ dội, cuốn trôi tất cả đê điều phòng hộ, người chết đuối theo dòng nước trôi xuống, các thuyền khác đều lo vớt các thứ của cải trôi về, chỉ có ông cố và ông nội của Thiếu sư là chuyên lo cứu vớt những người dân bị nạn đang trôi nổi trong dòng nước, còn tài vật thì không vớt một thứ nào. Người làng đều cười thâm cho rằng họ ngu dại. Cho đến khi cha của Thiếu sư ra đời, cảnh nhà mới dần dần khá lên. Có

lần một vị đạo sĩ, đã nói với cha của Thiếu sư rằng: “Ông nội và cha của ông đã tích tập rất nhiều công đức. Con cháu sinh ra tất phát đạt làm quan lớn. Hãy chôn cất cha của ông tại nơi nọ.” Cha của Thiếu sư bèn theo chỗ vị đạo sĩ đã chỉ mà chôn ông nội và cha mình. Gò mả ấy chính là gò Thổ Trắng mà hiện nay mọi người đều biết. Về sau Thiếu sư ra đời, đến năm 20 tuổi thi đỗ Tiến sĩ, ra làm quan, nhận chức Thiếu sư thuộc bậc Tam công. Nhà vua còn tặng cho ông cố, ông nội và cha của Thiếu sư tước vị giống như Thiếu sư. Lại nữa, con cháu đời sau của Thiếu sư đều hưng vượng khác thường, đến nay còn nhiều vị có tài năng đức độ.

Ông Dương Tự Trường người huyện Ninh Ba, tỉnh Triết Giang, mới đầu làm Thư Biện ở huyện, tính tình vô cùng đôn hậu, lại giữ phép nước rất công minh, làm việc rất công chính. Bấy giờ quan huyện là một người nghiêm khắc, thẳng thắn. Có lần bỗng đánh một phạm nhân khiến người này đổ máu quan huyện cũng không nguôi giận. Dương Tự Trường liền quỳ xuống xin quan huyện nghĩ tình mà khoan lượng cho phạm nhân ấy. Quan huyện nói: “ông đã xin thì không thể không khoan thứ nhưng phạm nhân này không giữ pháp luật, vi phạm đạo lý, ai mà không nổi giận cho được chứ!” Dương Tự Trường vừa dập đầu vừa nói: “Dạ! trong Triều Đình đã không thể nói được điều phải trái nào (chính trị hắc

ám, tham ô, hủ loại), lòng người thất tán đã lâu, khi thẩm xét án sự mà tra xét ra được sự thật thì cũng nên mũi lòng, thương xót họ vì họ không biết sự lý mà lầm lỡ mắc vào lưới pháp. Nếu tra xét ra đúng tội thì cũng không nên vui mừng. (vì hễ lòng vui mừng thì e rằng chỉ lướt qua, thành ra sai lạc. Nếu nóng giận thì e rằng phạm nhân chịu không nổi sự đánh đập, phải miễn cưỡng nhận tội, dễ khiến người ta bị oan uổng). Vui mừng mà còn không nên thay, hướng chi nổi giận!” Quan huyện nghe xong thì rất cảm động, sắc mặt dịu hòa trở lại, không còn nóng giận nữa!

Nói về gia cảnh của Dương Tự Trường thì nhà rất nghèo; nhưng tuy nghèo mà hễ ai cho thứ gì, ông đều khảng khái không chịu nhận. Gặp phải tù nhân thiếu ăn, ông lại tìm nhiều cách để mang gạo đến cứu giúp họ. Một hôm, có mấy người tù mới không có thứ gì ăn, đã đói lã. Nhà ông lại đang lúc thiếu gạo. Nếu đem gạo cho mấy người tù, thì gia đình không còn gì để ăn. Nếu để gạo lại cho gia đình ăn, thì mấy người tù kia bị đói thật đáng thương. Không còn cách gì khác, ông bàn bạc cùng vợ, hai vợ chồng đem chút gạo còn lại mà nấu cháo rồi đem cho những người tù mới đến. Về sau hai vợ chồng sinh được hai con trai, đứa lớn tên là Thủ Trần, đứa nhỏ tên là Thủ Chỉ, làm quan đến chức Nam Bắc sử Bộ Thị Lang. Đứa cháu lớn giữ chức Hình Bộ Thị Lang, đứa cháu

nhỏ cũng được chức Tứ Xuyên xử sát ty. Hai đứa con và hai đứa cháu đều có danh phận ; hiện nay có hai vị nổi danh là Sở Đình, Đức Chính, đều là cháu chắt của Dương Tự Trưng.

Hồi xưa vào năm Chính Thống đời Minh Anh Tông có một tướng thổ phỉ là Đặng Mậu Thất tạo phản loạn tại Phúc Kiến, người có học và dân thường tại Phúc Kiến theo hấn để cùng mưu phản rất đông. Nhà vua gọi quan Đô Ngự sử người huyện Ngân là Trương Gian đi tiêu trừ bọn chúng. Trương Đô Hiến (Đô Ngự sử họ Trương) dùng mưu bắt được Đặng Mậu Thất. Về sau Trương Hiến lại phái một vị họ Tạ đang giữ chức Đô sự tại Ty Bố Chính tỉnh Phúc Kiến đi tìm bắt bọn giặc phỉ còn lại, hễ bắt được kẻ nào thì giết ngay (nhưng Tạ Đô Sự không chịu giết bừa, sợ giết lầm người). Tạ Đô Sự đến các nơi tìm kiếm danh sách những người theo giặc, khi tra ra được những ai không theo giặc, không có tên trong danh sách thì ngầm phát cho họ một lá cờ vải trắng nhỏ và giao ước rằng khi quân đi truy tìm bọn giặc đến vào ngày ấy thì họ phải đem lá cờ vải trắng ấy cắm ở nhà họ (tỏ ra rằng đây là nhà người dân trong sạch). Ông lại cấm quan binh không được giết bừa bãi. Do ông sắp đặt được như thế nên số người tránh khỏi bị giết lầm tính ra hơn một vạn. Về sau con trai của Tạ Đô Sự là Tạ Thiên thi đỗ Trạng Nguyên, làm

quan đến chức Tế Tướng ; cháu nội ông là Tạ Phi, thi đỗ Thám Hoa (Tiến sĩ đệ tam danh).

Nhà họ Lâm ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, trong hàng thượng bồi của nhà này có một bà cụ ham thích làm việc thiện. Bà thường lấy bột gạo làm bánh rồi phát cho người nghèo ăn. Chỉ cần có ai xin thì bà liền cho ngay, sắc mặt chẳng biểu lộ chút buồn phiền nào. Có một vị tiên giả thành đạo sĩ, cứ mỗi ngày vào lúc sáng sớm lại đến xin bà sáu, bảy cái bánh bột. Bà cụ đều cho ông bánh mỗi ngày, cứ như thế liên tục ba năm mà không hề mệt mỏi chán chường. Vị tiên mới hiểu được lòng chân thành làm việc thiện của bà nên nói với bà: “Ta ăn bánh bột của bà đã ba năm, biết làm sao báo đáp? Thế này vậy, đằng sau nhà bà có một chỗ đất, nếu táng tại đó thì số con cháu sẽ được quan tước kể ra cũng nhiều bằng cả đấng mè đấy.” Về sau bà cụ mất đi, người con trai chôn cất bà tại chỗ đất mà vị tiên đã chỉ. Con cháu nhà họ Lâm đời thứ nhất có chín người đỗ đạt khoa bảng ; về sau hết đời này đến đời nọ, số người được làm quan nhiều không kể xiết. Do đó mà tỉnh Phúc Kiến có câu truyền khẩu rằng: “Nếu không có người họ Lâm đi thi thì không yết bảng kết quả được” (ý nói người họ Lâm dự thi rất đông, lại đều thi đỗ cho nên đến khi niêm yết bảng trúng tuyển, trên bảng không thể không có tên người họ

Lâm ; cho thấy rằng họ Lâm có rất nhiều người đạt công danh).

Cha của quan Thái sử Phùng Trác An khi còn là vị Tú tài tại trường học trong huyện, đi đến trường vào một buổi sáng sớm mùa đông rất giá rét. Trên đường đi ông trông thấy một người ngã trên tuyết. Ông sờ tay vào người ấy thì thấy đã nửa phần khô cứng, cơ hồ sắp chết cứng. Lão tiên sinh liền cởi áo da đang mang trên mình mà mặc cho người ấy rồi mang người ấy về nhà cứu cho tỉnh lại. Sau khi cứu người, ông nằm mộng thấy một vị thiên thần đến báo cho ông biết rằng: “ông đã cứu một mạng người, hoàn toàn do tấm lòng chí thành mà cứu, cho nên ta sẽ phái Hàn Kỳ đầu thai vào nhà ông mà làm con trai ông.” Đến khi Trác An ra đời, được mệnh danh là Hàn Kỳ (vì ông chính là Hàn Kỳ đầu sinh).

Tại Đài Châu tỉnh Triết Giang có một vị Thượng thư là Ứng Đại Du, lúc còn trẻ, học hành ở trong núi. Ban đêm bọn quỷ thường tụ tập, cùng rú lên để dọa người, chỉ có ông là không hề sợ. Vào một đêm nọ, ông nghe quỷ nói: “Có một phụ nhân, chồng xa nhà đã lâu không trở về, cha mẹ chồng cho rằng con có thể đã chết nên bức ép nàng lấy chồng khác, nhưng nàng lại muốn thủ tiết, nhất định không chịu, cho nên tối ngày mai nàng sẽ treo cổ tại chỗ này ; thế là ta có được kẻ thế thân rồi” (hễ người treo cổ chết mà không có kẻ thế thân thì không cách gì đi đầu

thai được, cho nên gọi là quý thế tử). Ứng Công nghe quý nói thế (động lòng muốn cứu người) liền lén đem ruộng mình ra cầm để mua bốn lượng bạc, rồi viết ngay một bức thư giả làm thư của chồng phụ nhân ấy ; trong thư viết rằng có gởi bạc về. Cha mẹ người chồng đi xa kia xem thư, thấy nét chữ không giống nét chữ của con họ, nên nghi rằng đó là thư giả. Tuy nhiên sau đó họ lại nghĩ: thư thì có thể giả, nhưng bạc thì không thể giả! Nhất định là con ta rất bình an thì mới có thể gởi bạc về, bèn không ép phụ nhân kia lấy chồng khác nữa. Về sau, con trai của họ trở về. Hai vợ chồng đoàn tụ, sống với nhau lâu bền, hạnh phúc như hồi mới cưới vậy.

Ứng Công lại nghe quý nói: “Chúng ta xưa nay vẫn có thể tìm được kẻ thế thân, không ngờ nay lại bị tên Tú tài kia làm hư việc.” Một con quý khác nói: “Vậy sao anh không đến hại hắn?” Con quý nọ đáp: “Vì tâm người này tốt, có âm đức nên Thiên đế đã phái hắn làm Âm đức Thượng thư, ta làm sao mà hại hắn được?” Ứng Công nghe hai quý ấy nói thế nên càng ráng công ráng sức mà làm việc thiện ngày này qua ngày nọ, công đức càng ngày càng tăng thêm. Gặp năm mất mùa ông đều đem lúa gạo cứu người. Gặp lúc họ hàng gặp khó khăn nguy biến, ông quyết tìm đủ cách để giúp họ qua cơn khó. Gặp phải kẻ man rợ không biết lý lẽ hoặc sự việc không như ý, ông đều phản tỉnh, tự trách cứ mình có lỗi, rồi bình

tâm hòa khí mà tiếp nhận sự việc. (Ứng Công là người như vậy), cho nên con cháu ông đều được công danh chức vị, đến ngày nay vẫn còn rất nhiều người như vậy!

Ở huyện Thường Thục tỉnh Giang Tô có ông Từ Phượng Trúc, cha mẹ vốn rất giàu có. Bỗng gặp năm mất mùa, ông bỏ hết số thuế ruộng định thâu để làm gương cho những người có ruộng trong toàn huyện, đồng thời ông chia số lúa gạo mà ông vốn có để cứu giúp người nghèo. Một hôm lúc đêm tối ông nghe quỷ xướng lên ngoài cửa rằng: “Ngàn lần cũng không nói dối, vạn lần cũng không nói dối ; Tú tài nhà họ Từ sắp là vị Cử nhân.” Bọn quỷ ấy cứ kêu hô liên tục như thế đêm này qua đêm nọ không dứt. Năm ấy Từ Phượng Trúc dự kỳ thi Hương, quả nhiên đỗ Cử nhân. Cha ông do đó mà càng vui mừng, nỗ lực làm các việc thiện, tích chứa công đức không hề biết mệt mỏi. Đồng thời còn sửa cầu, đắp đường, làm cơm chay cúng dường các vị xuất gia ; gặp người thiếu ăn thiếu mặc cũng đều giúp đỡ cho họ ; gặp nơi nào thuận tiện có thể làm việc gì giúp người khác, cụ cũng đều hết lòng. Sau đó Từ Phượng Trúc lại nghe quỷ xướng lên trước cửa rằng: “ngàn lần không nói dối, vạn lần cũng không nói dối ; Cử nhân họ Từ làm quan đến chức Đô Đường!” Rốt cục, Từ Phượng Trúc làm đến chức Lương Triết Tuần Vũ (Tuần vũ cả hai tỉnh Triết Đông và Triết Tây).

Tại Gia Hưng tỉnh Triết Giang có người họ Đồ, tên Khang hy, mới đầu làm quan Chủ sự tại Bộ hình. Ban đem ở lại nhà giam, ông cất vấn tù nhân rất kỹ lưỡng, kết quả phát hiện có nhiều người bị oan uổng. Tuy vậy Đồ Công không hề tự cảm thấy mình có công, ông bí mật đem chuyện này biết công văn báo cho vị Đường quan Bộ Hình biết. Sau đó đến lúc thụ thẩm, vị Đường quan Bộ hình chọn những điểm quan trọng trong công văn của Đồ Công mà thẩm vấn các tù phạm ấy (các tù phạm đều thành thực khai rõ với đường quan, không ai là không khâm phục). Do đó, đường quan phóng thích mười mấy tù phạm vốn b oan uổng nhưng vì không chịu nổi cực hình đã phải nhận tội. Bấy giờ dân chúng tại kinh thành đều ca ngợi vị Thượng thư Bộ hình là người cẩn thận sáng suốt. Sau đó Đồ Công còn gửi một văn kiện lên Đường quan: “Dưới chân đấng Thiên tử mà còn có bao nhiêu người bị oan uổng như thế huống chi khắp nước rộng đến vậy, ngàn vạn người dân há không có người bị oan uổng hay sao? Cho nên cứ mỗi năm năm, nên phái một vị quan Giám hình đến các tỉnh để tra xét cho kỹ tình hình phạm tội của các tù phạm. Nếu ai quả thật có tội thì việc định tội cần phải công bình ; nếu ai rõ ràng bị oan uổng thì nên tra xét lại mà giảm nhẹ tội hoặc phóng thích cho họ.” Quan thượng Thư tâu lên vua, vua chấp nhận biện pháp này mà Đồ Công đề nghị, bèn phái các

quan Giám hình đến các tỉnh thẩm sát, trong số đó cũng có Đồ Công. Một tối nọ, ông mộng thấy thiên thần đến báo rằng: “Số mạng ông vốn không có con, nhưng do ông đã đề xuất việc giảm hình cho tù phạm thật đúng với lòng trời nên trời ban cho ông ba đứa con trai sau này đều làm quan lớn, mặc áo màu tía, mang đai nạm vàng.” Ngay tối hôm đó, vợ ông mang thai ; về sau sinh được ba trai là Ứng Tổn, Ứng Khôn, Ứng Tuân quả nhiên đều làm quan lớn.

Tại Gia Hưng có vị họ Bao, tên Bằng hiệu Tín Chi. Cha của vị này làm Thái Thú phủ Trì Châu tỉnh An Huy, sinh được bảy người con, Bao Bằng là con út. Bao Bằng được người họ Viên ở huyện Bình Hồ cho đến làm rể. Ông học rộng tài cao nhưng thi mãi không đỗ. Do đó, ông chú tâm nghiên cứu hai thứ học vấn về Phật-giáo và Đạo giáo. Một hôm ông đi về hướng đông, đến Mão Hồ du ngoạn, tới một ngôi chùa ở vùng quê, (nhân vì phòng ốc Tự viện đã bị hư hoại) trông thấy Thánh tượng của Bồ-tát Quán-Thế-Âm đứng giữa trời, bị mưa thấm ướt. Ông liền cỡi hâu bao, có được mười lạng bạc, bèn giao cho Hòa-thượng trú trì ngôi chùa để sửa chữa phòng ốc Tự viện. Hòa-thượng bảo ông rằng công trình sửa chữa chùa rất lớn mà số bạc lại ít, không đủ dùng, không thể hoàn tất được. Do đó ông lại đem bốn tấm vải sản xuất ở Tùng Giang, lại chọn trong hòm tre bảy bộ y phục mà giao tất cả cho Hòa-thượng. Bảy bộ y

phục này là loại mới làm, áo kếp dệt gai, người nhà bảo ông đừng cho nữa. Nhưng Bao Bằng nói: “Cốt sao cho Thánh tượng của Bồ-tát Quán-Thế-Âm được an lành, không bị mưa thấm thì ta dù có phải ở trần, xuất lộ thân thể thì cũng không quan hệ gì?” Vị Hòa-thượng nghe vậy thì chảy nước mắt mà nói: “Cấp bạc, y phục, vải vóc không phải là chuyện khó, chỉ riêng một tấm lòng chân thành như thế thì dễ gì có được?” Sau đó, công việc tu sửa phòng ốc đã xong, ông còn đưa cha già đến thăm ngôi Phật-Tự, lại ở lại trong chùa. Bao Bằng mộng thấy một vị thần Hộ Pháp trong chùa đến cảm ơn ông và nói: “ông đã làm các công đức này thì con cái ông đời này, đời nọ thọ hưởng được quan lộc.” Về sau con trai ông là Bao Biện, cháu ông là Bao Sanh Phương đều thi đỗ Tiến sĩ và làm quan lớn.

Ông Chi Lập người ở Gia Thiện tỉnh Triết Giang. Cha của ông giữ chức Thư Biện tại Phòng hình trong huyện nha. Có một tù phạm do bị người hãm hại oan uổng mà phải bị án tử hình. Ông Thư Biện họ Chi rất thương xót người tử tù ấy, muốn xin quan trên cho người ấy được tha tội chết. Người tù phạm (sau khi hiểu được ý tốt của Chi Biện) nói với vợ rằng: “Hảo ý của Chi Công như thế tôi cảm thấy thật hổ thẹn, chẳng có cách gì báo đáp ; ngày mai nàng hãy mời ông về nhà rồi xin lấy ông ta, có thể ông sẽ niệm tình và nhờ đó tôi có được cơ hội thoát chết.” Người

vợ nghe xong, không còn cách gì khác nên vừa khóc vừa đáp sẽ chịu theo lời. Đến ngày hôm sau, Chi Thư Biện đến nhà, vợ của người tù phạm tự ý bước ra, cố mời ông uống rượu và đem toàn bộ ý tứ của chồng ra nói cho ông nghe. Nhưng Chi Thư Biện không chịu theo như thế. Rốt cục ông vẫn đem hết sức lực giúp người tù phạm mà tra xét lại án. Về sau người tù ra khỏi ngục, cả hai vợ chồng đến nhà Chi Thư Biện dập đầu lạy tạ và nói: “chúng tôi có một đứa con gái xin được gửi cho ông để làm tiểu thiếp quét dọn nhà cửa. Được thế thì về tình và lý cũng được thông vậy.” Chi Thư Biện nghe xong, chuẩn bị lễ vật rước con gái của người tù phạm kia về làm thiếp. Về sau người con gái ấy sinh cho ông một trai, tên là Chi Lập. Mới 20 tuổi Chi Lập đã thi đỗ Cử nhân, làm đến chức Khổng mục (Thư ký) của Hàn Lâm Viện. Về sau con của Chi Lập là Chi Cao, con của Chi Cao là Chi Lộc, đều được tiến cử làm Giáo quan tại Châu học, Huyện học. Con của Chi Lộc là Chi Đại Luân thì thi đỗ Tiến sĩ.

Mười chuyện xưa nêu trên đây, tuy mỗi người trong mỗi chuyện làm các việc không giống nhau, nhưng tất cả đều thành một “Thiện.” Nếu muốn cho tinh tế để phân loại mà nói, thì làm việc có thật, có giả ; có trực (thẳng), có khúc (cong), có âm, có dương ; có thị (phải), có phi (không phải), có thiên lệch, có chân chánh ; có phân nửa, có trọn vẹn ; có

lớn, có nhỏ, có khó, có dễ ; các loại này mỗi thứ đều có ý nghĩa riêng, cần phải phân biệt cho rõ ràng. Nếu làm việc thiện mà không biết rõ cái ý nghĩa của sự làm việc thiện, lại tự khoe rằng mình làm việc thiện thì làm thế nào mà có công đức, như thế đã biết đâu không phải là làm việc thiện, mà chỉ là tạo lỗi. Làm như thế há chẳng phải là oan uổng, khổ tâm suông, chẳng có chút lợi ích nào ư !

Nay ta đem những gì đã nói ở phần trên, phân loại để nói thêm cho rõ thế nào là làm việc thiện có thật, có giả ? Xưa có mấy vị nho sinh đến bái kiến vị cao tăng là Hòa-thượng Trung Phong ở núi Thiên Mục và hỏi: “Nhà Phật giảng về sự báo ứng thiện ác rằng giống như cái bóng cùng với thân thể, người đi đến đâu, bóng cũng đi đến đấy, không bao giờ phân ly. (Đấy là bảo rằng làm thiện thì nhất định có quả báo tốt ; tạo ác thì nhất định có quả báo xấu, quyết không thể không có quả báo). Thế thì vì sao có người kia làm thiện mà con cháu lại không hưng vượng? Có người nọ làm ác sao gia đình lại rất phát đạt? Thế thì sự báo ứng mà nhà Phật giảng té ra chẳng có bằng cứ gì cả.” Hòa-thượng Trung Phong đáp: “Người bình thường bị cái thấy thế tục che mờ, cái tâm linh diệu sáng suốt này chưa được tẩy rửa cho sạch, do đó con mắt pháp (pháp nhãn) chưa khai mở, nên làm cho thiện thành ác, cái ác thực sự lại cho là thiện, đó là sự việc thường xảy ra ; người ta thấy sai

mà vẫn hận mình sai quấy, sao lại oán trời báo ứng sai?” Mọi người lại nói: “thiện là thiện, ác là ác, đâu có thể lẫn lộn hai thứ trái ngược nhau được?” Hòa-thượng Trung Phong nghe xong liền bảo những người ấy nhận định như thế nào là việc thiện, thế nào là việc ác thì hãy nói ra. Một người nói: “Lãng mạ người, đánh người là ác, cung kính người, lễ độ đối với người là thiện.” Hòa-thượng Trung Phong nói: “Điều ông nói không hẳn đúng!” Một người khác nói: “tham tiền tài mà cứ làm bữa để có tiền tài là ác ; không tham tiền tài, thanh bạch mà giữ chánh đạo là thiện.” Hòa-thượng Trung Phong nói: “ông nói thế cũng không hẳn là đúng.” Các nho sinh ấy mỗi người đều nói ra các loại hành vi thiện ác mà họ đã thấy và quan niệm, nhưng Hòa-thượng Trung Phong đều bảo “không hẳn là hoàn toàn đúng!”

Vì các nho sinh ấy nói về thiện ác như thế nào Hòa-thượng Trung Phong đều bảo họ nói không đúng nên họ mới hỏi Hòa-thượng: “Rốt lại, thế nào là thiện, thế nào là ác?” Hòa-thượng Trung Phong nói với họ: “Làm việc gì có lợi cho người khác là thiện, làm việc gì có lợi cho chính mình là ác. Hễ làm điều gì mà có thể khiến người khác có chỗ lợi ích thì dù đó là lãng mạ người, đánh đập người, cũng đều là thiện ; chứ nếu làm điều gì có lợi cho chính mình thì dù cung kính người, lễ độ đối với người, cũng đều là ác. Cho nên làm việc gì mà khiến người khác

được lợi ích thì chính là cái chung (công), cái chung là chân chính vậy; chứ chỉ nghĩ mình được lợi ích thì đấy là cái riêng (tư), cái riêng là hư giả. Vả lại, hành vi thiện phát xuất từ lương tâm là chân thật, chứ chỉ cứ làm bữa thì đấy là hư giả. Lại nữa, làm thiện mà không mong được báo đáp, không lộ dấu vết thì việc mình làm là chân thật ; chứ vì một thứ mục đích nào đó để toan tính cho được thì việc thiện mình làm là hư giả. Những gì đã nêu trên, tự mỗi người cần phải khảo sát cho kỹ càng.”

Thế nào gọi là trực (thẳng), là khúc (cong)? Người đời nay nhìn thấy ai cẩn thận, không quật cường thì phần đông đều bảo người ấy là người thiện, lại còn rất kính trọng người ấy ; nhưng Thánh Hiền ngày xưa thì chỉ muốn tán thán người có chí khí cao, chỉ hướng tới trước mà tiến, hoặc người an phận giữ mình không chịu loạn càn (vì loại nhân tài này có sự đảm đang, sự hành động có thể chỉ dạy người khác, khiến người khác tiến lên). Còn những người tốt xem ra cẩn thận, giữ ý nhưng lại vô dụng, tuy ở trong lòng được mọi người ưa thích ; nhưng vì loại người này cá tính nhu nhược, cứ theo sóng theo dòng, không có chí khí nên Thánh nhân nhất định gọi loại người này là giặc làm tổn hại đạo đức. Xem như thế thì cái quan niệm thiện ác mà người thế tục nói rõ ràng trái ngược với Thánh nhân (người đời bảo là thiện, Thánh nhân lại bảo là ác. Người đời bảo là ác,

Thánh nhân lại bảo là thiện). Do từ quan niệm này để suy rộng ra các loại sự việc khác nhau mà nói thì những gì người đời ưa thích hoặc không ưa thích, đều hoàn toàn khác với Thánh-nhân, như thế đâu có gì mà không đúng ; trời đất quỷ thần che chở người thiện, báo ứng kẻ ác thì cách nhìn của họ giống như cách nhìn của Thánh-nhân. Thánh Hiền cho là “đúng” thì trời đất quỷ thần cũng cho là đúng ; Thánh hiền cho là sai thì trời đất quỷ thần cũng nhận là sai chứ không giống như cách nhìn mà người đời chọn lựa. Cho nên hễ muốn tích chứa công đức thì đừng cho những âm thanh êm tai, những hình sắc đẹp mắt lợi dụng rồi cứ “chạy theo cảm giác,” phải từ cái chỗ vi tế của sự khởi tâm động niệm mà đem cái tâm của chính mình để ngâm tẩm rửa cho thật sạch, không để cho những ý niệm tà vạy xấu xa làm ô nhiễm tâm mình. Cho nên toàn thể cái tâm cứu giúp người đời là trực ; nếu có chút tâm chiều theo thế tục thì đó là khúc. Toàn thể cái tâm thương người là trực ; nếu có chút tâm oán hận, bất bình đối với người đời đó là khúc. Toàn thể cái tâm cung kính người khác là trực ; nếu có chút tâm lừa lộng người đời thì đó là khúc. Đây là những điều cần phải phân biệt kỹ càng.

Thế nào gọi là âm thiện, dương thiện ? Hễ một người làm việc thiện mà được người ta biết đến thì gọi là dương thiện ; làm việc thiện mà không được ai

biết đến thì gọi là âm thiện. Người có âm đức thì tự nhiên trời biết mà đền đáp cho. Người có dương thiện được mọi người biết, khen thưởng mỹ danh, được hưởng thọ danh dự tốt đẹp. Hãy xem người được thọ hưởng danh dự lớn trên thế giới nhưng thực tế lại không có công đức nào có thể xứng với danh dự mà người ấy thọ hưởng thì thường gặp phải những tai họa bất trắc không ngờ tới được ; còn một người chẳng có chút lỗi lầm nào mà lại bị oan uổng, bỗng dưng bị người ta gán cho ác danh, con cháu người này thường bỗng nhiên được phát đạt lên. Xem như thế thì sự khác biệt giữa âm và dương thiện quả là rất tế vi, cần phải phân biệt cho kỹ càng hơn vậy.

Thế nào gọi là thị (phải, đúng), phi (không phải, sai)? Vào thời Xuân Thu, nước Lỗ quy định một loại pháp luật, theo đó hễ người nước Lỗ nào bị nước khác bắt làm dân, làm thiếp mà nếu có người chịu bỏ tiền ra đến các nước chư hầu để chuộc đem về thì người bỏ tiền chuộc ấy có thể đến phủ quan lãnh thưởng. Nhưng học trò của Khổng tử là Tử Cống (có rất nhiều tiền), tuy cũng bỏ tiền ra chuộc người bị bắt đem về, lại không chịu nhận tiền thưởng của nước Lỗ. (Ông không nhận tiền thưởng, chỉ thuần cốt giúp người, ý định ấy thật tốt). Nhưng sau khi Khổng tử nghe chuyện xong, ngài buồn rầu nói: “Làm như thế là sai rồi. Phàm Thánh nhân làm việc gì thì cũng cố sao cho phong tục trở nên tốt đẹp

để có thể giáo huấn, dẫn đạo người dân làm người tốt thì mới làm chứ không phải vì tự mình cảm thấy thích thú vừa lòng mà làm. Nay nước Lỗ có ít người giàu, nhiều người nghèo ; nếu nhận tiền thưởng thì sẽ bị chê là tham tiền, (thế thì người không chịu mang tiếng là tham tiền, cũng như người không có nhiều tiền, đều không chịu bỏ tiền ra chuộc người. Nhất định chỉ người có nhiều tiền mới đi chuộc người). E rằng từ nay về sau không còn có người đến các nước chư hầu để chuộc người nữa.”

Tử Lộ trông thấy một người sẩy chân rơi xuống nước liền kêu cứu. Người ấy đem một con bò đến tạ ơn. Tử Lộ nhận bò. Khổng tử biết được, rất vui mừng nói: “Từ nay về sau ắt sẽ có nhiều người tự động xuống nước sâu sông lớn để cứu người.” Từ hai câu chuyện này, lấy con mắt thế tục mà nhìn thì Tử Lộ không nhận tiền là tốt. Tử Lộ nhận bò là không tốt ; đâu ngờ Khổng Tử lại khen ngợi Tử Lộ mà chê trách Tử Lộ. Xem như thế đủ biết rằng một người làm việc thiện không nên chỉ xem hiệu quả trước mắt, mà cần tìm hiểu kỹ xem có truyền lại cái xấu hay không ; không nên chỉ luận cái ảnh hưởng một thời mà cần biết rõ cái phải, trái (thị, phi) lâu dài ; không nên chỉ luận cái được mất của cá nhân, mà cần biết rõ cái quan hệ với thiên hạ, đại chúng. Điều làm hiện nay tuy là thiện nhưng lưu truyền về sau thì có hại cho người, đấy chính là tuy

có vẻ như là thiện mà thực ra là bất thiện. Điều hiện đang làm tuy không phải là thiện nhưng lưu trueyn về sau thì có thể giúp đỡ người, đấy chính là tuy có vẻ như bất thiện mà thực ra là thiện! Tuy vậy đây chỉ là đem ra một sự kiện mà giảng đó thôi. Còn các loại sự kiện khác thì rất nhiều. Chẳng hạn: sự việc mà một người nên làm gọi là nghĩa, nhưng có lúc, làm các sự việc nên làm cũng có thể làm sai, làm việc ấy lại thành ra việc bậy. Ví như một người xấu không nhất thiết phải tha thứ anh ta, có người lại tha thứ anh ta, việc ấy không thể không gọi là nghĩa ; nhưng tha thứ người xấu này thì lại khiến anh ta càng bạo gan hơn mà làm chuyện bậy hơn, kết quả là người khác phải nhận thiệt hại, chính tự anh ta cũng phạm tội ; thế thì không bằng không tha thứ anh ta, gia tăng kìm giữ, khiến anh ta không phạm tội nữa. Không tha thứ anh ta là phi nghĩa, khiến người ấy không tái phạm tội là nghĩa, đấy gọi là cái nghĩa phi nghĩa. Lễ độ thì ai cũng nên có, nhưng nên có chừng mức. Dùng lễ độ đối đãi với người là lễ, nhưng lễ độ thái quá lại khiến người ta sinh ra kiêu ngạo thì là phi lễ. Việc thực hiện tín (lòng tin) tuy rất quan trọng nhưng cũng phải xem từng trạng huống ; vì như cố lưu tâm thực hiện trọn vẹn cả những chi tiết nhỏ nhất của tín ; chỉ vì trọn vẹn cả đến cái tín nhỏ nhất mà lại làm hư việc lớn, lại khiến cho cái tín lớn lao không được lưu ý trọn vẹn, thế thì thành ra phi

tín ; đấy gọi là cái tín phi tín. Thương người vốn là từ, nhưng vì thương yêu quá mức, khiến người ta càng thêm bướng mà sinh ra họa lớn ; thế thì thành ra không phải từ rồi, đấy gọi là lòng từ phi từ. Những vấn đề ấy đều cần phải được phán đoán cho kỹ càng, phân biệt cho rõ rệt.

Thế nào gọi là thiên lệch (thiên), chân chánh (chánh)? Xưa kia Lã Văn Ý từ chức Tế tướng mà về quê nhà. Vì ông làm quan thanh liêm chánh trực nên người trong nước đều kính phục ông, giống như đám núi vây quanh núi Thái Sơn, đám sao chung quanh sao Bắc đẩu. Chỉ riêng có một người trong làng, sau khi uống rượu say đã mắng nhiếc Lã Công, nhưng Lã Công không vì bị anh ta mắng nhiếc mà nổi giận, lại nói với người nhà rằng: “Người này say rượu rồi, chớ so đo với anh ta làm gì.” Rồi đóng cửa chẳng ngó ngang gì đến anh ta. Một năm sau, người ấy bị phạm tử tội phải vào ngục, Lã Công mới ân hận mà nói: “Phải chi hồi ấy cứ so đo với anh ta rồi gửi anh ta lên phủ quan trị tội thì có thể nhờ sự phạt tội nhỏ mà có hiệu quả ngăn ngừa, kìm giữ chặt chẽ. (Anh ta không đến nỗi phải phạm tử tội). Bấy giờ ta chỉ nghĩ đến giữ lòng đôn hậu mà tha cho anh ta ; ngờ đâu lại nuôi lớn cái tính ác của bọn vong mạng không sợ trời sợ đất. (Anh ta nghĩ rằng mắng nhiếc được Tế tướng thì không có gì không làm được, rồi bị

phạm tử tội, mà tiêu mất tính mạng). Đây là giữ thiện tâm chẳng khác gì làm việc ác vậy.

Cũng có khi giữ cái ác tâm nhưng lại chẳng khác gì làm việc thiện. Có một người rất giàu có, gặp năm mất mùa, người nghèo giữa ban ngày ban mặt mà cướp giạt lúa gạo tại chợ ; ông nhà giàu kia kiện lên quan huyện, quan huyện là người không ngay thẳng (thiên lệch), lại không chịu giải quyết án vậy, người nghèo do đó càng bạo gan, càng hoành hành bừa bãi. Ông nhà giàu bèn bí mật tìm những người cướp lúa gạo, giam giữ bêu nhục họ. Những người cướp lúa gạo kia sợ bị ông nhà giàu bắt nên an định lại, không cướp bóc nữa. Nếu không như thế thì hẳn là chợ búa đã loạn lớn lên rồi. Cho nên thiện là chân chính, ác là thiên lệch, đó là điều mọi người đều biết. Nhưng cũng có khi giữ cái thiện tâm lại cùng loại với làm việc ác. (Đây là giữ gìn tâm, tuy là chân chánh mà rốt cục lại biến thành thiên lệch), nên chỉ có thể gọi là sự thiên lệch trong chân chánh ; nhưng cũng có khi giữ cái ác tâm cũng giống với làm việc thiện. (Đây là tuy giữ tâm thiên lệch mà kết quả lại thành chân chánh), nên chỉ có thể gọi là sự chân chánh trong thiên lệch ; (ý nghĩa này mọi người không thể không biết).

Thế nào là sự thiện phân nửa và sự thiện trọn vẹn? Kinh Dịch có nói: “Một người không tích tập thiện thì không thể thu đạt danh dự ; không tích tập

ác thì không thể gặp đại họa mất thân mạng.” Kinh Thư cũng nói: “Tội ác của nhà Thương đầy như mang một xâu tiền như thế (như tích trữ đồ vật trong thùng, lọ) nếu ta nỗ lực hàng ngày gom góp, cuối cùng cũng có ngày tích tập đầy thùng, đầy lọ. (Nhà Chu kể từ lúc khai quốc cho đến đời vua Trụ, bấy giờ tội ác của vua đã tích chứa đầy. Do đó mới nhanh chóng mất nước). Nếu lười biếng mà không lo tích tập thì không thể làm đầy được. Sự tích tập thiện, tích tập ác như đã nói trên cũng giống như dành dụm đồ vật, đây là thuyết giảng về thiện phân nửa và thiện trọn vẹn.

Xưa có một cô gái nhà nọ đến chùa, muốn gửi tiền cúng chùa nhưng đáng tiếc là tiền không có sẵn, chỉ có được hai xu, bèn lấy đưa cho vị Hòa-thượng. Hòa-thượng viện chủ đích thân đến trước điện Phật mà hồi hướng sám hối cho cô (để cô được sạch tội). Về sau cô gái được tiến dâng vào hoàng cung (làm Quý phi). Sau khi được giàu sang, cô mang mấy ngàn lạng bạc đến chùa để bố thí. Nhưng vị viện chủ chỉ bảo đồ đệ hồi hướng cho cô ta mà thôi. Cô không hiểu vì sao hai lần bố thí, trước và sau lại được nhận sự đãi ngộ quá khác biệt đến như vậy. Cô liền hỏi viện chủ: “Hồi trước con chỉ bố thí có hai xu, sư phụ lại đích thân sám hối cho con. Nay con bố thí đến mấy ngàn lạng bạc, sư phụ lại không hồi hướng cho con, không biết tại sao?” Viện chủ đáp: “Hồi trước

tiền bố thí của bà tuy rất ít nhưng cái tâm bố thí của bà rất chân thành tha thiết cho nên nếu không phải Hòa-thượng già này đích thân sám hối cho bà thì không đủ để báo đáp cái công đức bố thí của bà ; nay tiền bố thí của bà tuy nhiều, nhưng cái tâm bố thí của bà không còn chân thiết như trước kia, cho nên ta gọi người khác sám hối cho bà, thế cũng đủ rồi.” Đây chính là bố thí mấy ngàn lạng bạc chỉ kể là “thiện phân nửa” còn bố thí hai xu lại kể là “thiện trọn vẹn.” (ý nghĩa đầy đủ).

Chung Ly đem phương pháp luyện đan truyền cho Lã Tổ, bảo rằng dùng đan ấy điểm vào sắt thì sắt biến thành vàng ròng, có thể đem vàng ấy mà cứu người nghèo trên đời. Lã Tổ hỏi: “Biến thành vàng rồi thì rốt lại có biến trở lại thành sắt không?” Chung Ly đáp: “năm trăm năm sau sẽ biến lại thành chất sắt như cũ.” Lã Tổ nói: “Thế thì sẽ làm hại người năm trăm năm sau, tôi không muốn làm việc này đâu!” Chung Ly dạy Lã Tổ điểm sắt thành vàng là để thử lòng Lã Tổ mà thôi. Nay biết được Lã Tổ giữ tâm lương thiện cho nên Chung Ly mới nói với Lã Tổ: “Tu tiên cần kíp tích tập ba ngàn công đức, nay ta nghe ông nói câu ấy, thế là ba ngàn công đức của ông đã được làm trọn vẹn rồi đó.” Đây là một cách giảng nữa về cái thiện phân nửa và cái thiện trọn vẹn.

Một người làm việc thiện nhưng tâm không khởi niệm chấp trước về việc thiện ấy, tựa hồ như chính người ấy làm những việc thiện khó có thể làm trọn ; được như thế thì bất cứ việc thiện nào ta làm đều có thể thành công viên mãn. Nếu làm việc thiện mà tâm cứ chấp trước vào việc thiện ấy thì dù cho suốt đời nỗ lực làm việc thiện, bất quá cũng chỉ là thiện phân nửa mà thôi. Tỷ như đem tiền cứu giúp người, cần phải bên trong không thấy cái “ta” bố thí, bên ngoài không thấy người nhận bố thí, ở giữa không thấy tiền bố thí. Đây mới gọi là cái không của tam luân, cũng gọi là nhất tâm thanh tịnh. Nếu được như vậy thì dù cho bố thí chỉ một đấu gạo cũng có thể được phước vô bờ vô bến ; dù cho bố thí một xu cũng có thể sạch hết tội lỗi đã tạo trong một ngàn kiếp, chứ còn cái tâm không quên đi được việc thiện mình làm thì dù cho có dùng hai chục vạn vàng ròng mà đi giúp người cũng không thể được phước trọn vẹn. Đây cũng là một cách giảng nữa.

Thế nào gọi là cái thiện lớn, cái thiện nhỏ? Xưa có một người tên là Vệ Trọng Đạt làm quan ở Viện Hàn Lâm. Một lần ông bị quỷ binh dẫn hồn về cõi âm. Quan thẩm vấn ở cõi âm sai người thư biện dưới quyền mang lại hai cuốn sách ghi chép những việc thiện, việc ác mà Vệ Trọng Đạt đã làm tại dương thế. Khi sách được mang đến, quan xem thấy cuốn sách ghi việc ác của ông do ghi nhiều quá nên chiếm

đầy cả một gian phòng ; còn sách ghi việc thiện chỉ nhỏ như một chiếc đũa mà thôi. Quan chủ thẩm lại sai mang cân đến để cân xem như thế nào, thì ra cuốn sách ghi việc ác chiếm đầy phòng kia lại nhẹ cân, còn cuốn sách ghi việc thiện nhỏ bằng chiếc đũa kia lại nặng cân. Vệ Trọng Đạt hỏi: “Tôi chưa quá 40 tuổi sao lại phạm nhiều lỗi lầm, tội ác đến như vậy?” Quan chủ thẩm nói: “Chỉ cần một ý nghĩ bất chính thì đó là tội ác, chứ không phải chờ đến khi ông phạm.” Tỷ như nhìn thấy phụ nữ xinh đẹp mà động ý nghĩ bậy tức là phạm lỗi. Nhân đó, Vệ Trọng Đạt bèn hỏi cuốn sách ghi việc thiện đã ghi những gì, quan chủ thẩm đáp: “Có lần Hoàng đế dự định thực hiện một công trình lớn là sửa chữa chiếc cầu bằng đá ở khu Tam Sơn (ba hòn núi ở trong thành Phước Châu), ông đã tâu vua không nên tu sửa (để dân khỏi tốn tiền), tờ tấu chương của ông đã ghi như thế.” Vệ Trọng Đạt nói: “Tuy tôi nói như thế, nhưng Hoàng đế không nghe, vẫn cho khởi công, vậy tờ sớ biểu của tôi chẳng có tác dụng gì đối với việc tiến hành công trình ấy, làm sao lại có sức mạnh lớn như thế?” Quan chủ thẩm nói: “Tuy vua không nghe kiến nghị của ông, nhưng ý tưởng của ông có mục đích là tránh cho ngàn vạn người dân khỏi phải lao dịch ; nếu như nhà vua nghe lời ông thì sức mạnh thiện ấy lại càng to lớn hơn. “Cho nên lập chí làm việc thiện, mục đích là nhằm vì lợi ích cho thiên hạ, đất nước, nhân

dân thì dù cho việc thiện ấy có nhỏ bé, công đức vẫn rất to lớn. Chứ chỉ vì lợi ích cho một thân mình, thì dù việc thiện có nhiều bao nhiêu, công đức vẫn rất nhỏ.

Thế nào gọi là cái thiện khó làm, cái thiện dễ làm? Xưa kia các bậc uyên thâm Nho học đều nói muốn khắc chế cái tư dục của chính mình thì cần phải từ chỗ khó tiêu trừ mà tiêu trừ trước. Đệ tử của Khổng tử cũng bảo rằng trước hết nên từ cái chỗ khó mà hạ thủ công phu. {Cái khó mà Khổng tử nói cũng chính là tiêu trừ cái tư tâm (cái tâm riêng tư, lo chuyện riêng tư) ; cũng trước hết từ chỗ khó nhất mà làm, từ chỗ khó khắc trừ nhất mà làm}. Nhất định phải giống như Lão tiên sinh họ Thư ở Giang Tây (ông dạy học ở nhà người ta), đã đem tiền thù lao công khó trong hai năm để trả nợ nhà nước giùm cho gia đình nghèo khó nợ, tránh cho vợ chồng họ cái bị kịch tan vỡ. Lại giống như Lão tiên sinh họ Trương (nhìn thấy một người nghèo phải cầm cố vợ con để lấy tiền tiêu dùng ; nếu không có tiền chuộc về, e rằng vợ con đều không sống nổi), bèn bỏ tiền dành dụm trong mười năm để giúp người nghèo ấy chuộc vợ con về. Hai vị Lão tiên sinh họ Thư và họ Trương ấy đều có thể xả bỏ (người khác không dễ gì xả bỏ được)! Lại như Lão tiên sinh họ Cận ở huyện Trấn Giang, tỉnh Giang Tô, tuy đã già mà không có con, một gia đình nghèo ở cạnh nhà muốn đem cô

con gái còn nhỏ tuổi gả cho làm thiếp để có thể sinh con cho ông. Nhưng Lão tiên sinh không đành lòng làm cô phí mất tuổi trẻ nên dứt khoát từ chối, trả cô về nhà. Đấy lại là sự kham nhẫn được ở chỗ rất khó kham nhẫn. Cho nên phước báo mà trời ban cho mấy vị Lão tiên sinh ấy thật đặc biệt phong hậu. Phàm những người có tiền của, có thế lực mà muốn lập công đức thì dễ dàng hơn những người bình thường rất nhiều, nhưng tuy dễ dàng họ lại không chịu thực hiện, đấy gọi là “tự chà đạp mình, tự loại bỏ mình.” Còn những người nghèo không có tiền bạc, không thế lực muốn làm phước thì đều gặp những khó khăn rất lớn, khó có thể muốn làm mà làm được, thế mới thực là đáng quý!

Chúng ta cần gặp được cơ duyên mới thực hiện việc cứu giúp người. Có điều, cứu giúp người (không phải là việc dễ) cũng có rất nhiều loại cứu giúp ; nói một cách vắn tắt, các hạng mục chủ yếu có thể gồm mười loại:

1. Giúp người làm thiện: thấy người khác có chút thiện tâm, ta liền giúp người ấy, khiến thiện tâm của người ấy tăng trưởng. Người khác làm việc thiện nhưng sức lực chưa đủ, làm không thành công, ta liền giúp đỡ họ, khiến họ làm thành công ; đấy là giúp người làm thiện.

2. **Giữ tâm kính ái:** tức là đối với người có học vấn, tuổi tác, thân phận cao hơn ta, ta đều cần phải giữ lòng kính trọng. Còn đối với người tuổi nhỏ, thân phận thấp, nghèo khổ hơn ta, ta đều giữ lòng yêu thương giúp đỡ.
3. **Thành tựu cái tốt đẹp của người:** tở như một người muốn làm việc tốt mà chưa quyết định thì ta cần khuyên người ấy tận tâm tận lực mà làm. Khi người khác làm việc tốt mà gặp phải trở ngại, không thành công đức thì ta nên nghĩ cách chỉ dẫn cho họ, khuyên đạo họ khiến họ được thành công ; chứ không sinh lòng ghen ghét, phá hoại họ.
4. **Khuyên người làm thiện:** gặp người làm ác, ta nên bảo họ rằng làm ác thế nào cũng bị khổ báo, dứt khoát không nên làm ác. Gặp người chịu làm thiện, hoặc chỉ chịu làm vài việc thiện nhỏ, ta nên bảo họ rằng làm thiện thế nào cũng được quả báo tốt đẹp, việc thiện không chỉ là nên làm mà còn nên làm thật nhiều, làm các việc thiện thật lớn.
5. **Cứu người bị nguy cấp:** nhiều người rất thích “vẽ họa trên gấm” nhưng lại thiếu cái tinh thần “đưa lửa vào giữa tuyết.” Khi gặp người khác đang lâm vào chỗ vô cùng nguy hiểm, vô cùng khốn khổ, vô cùng cấp

bách thì ta nên kịp thời đưa tay kéo họ ra, bỏ tiền bạc, sức lực ra để giúp họ thoát khỏi cảnh khốn khổ nguy cấp, thì có thể nói đây là công đức vô lượng (nhưng chớ lấy thế làm kiêu ngạo!)

6. **Kiến tạo lợi lớn:** nếu có sự việc mang lại lợi ích lớn thì tự nhiên cần có người có sức lực lớn mới có thể làm được. Một người đã có sức lực lớn thì nên làm những việc mang lại lợi ích lớn để mọi người được hưởng, như tu sửa hệ thống thủy lợi, cứu giúp những người bị khổ nạn lớn. Những người không có sức lực lớn cũng có thể làm được như thế. Tỷ như phát hiện có lỗ nhỏ trên đê ngăn nước, nước từ trong lỗ chảy ra thì ta lấy bùn đất sỏi đá mà bít lỗ lại, khiến con đê được giữ vững, phòng ngừa thủy tai phát sinh. Sự việc ấy tuy nhỏ nhưng công hiệu của nó không thể xem thường được.
7. **Xả bỏ tiền tài, làm việc phước đức:** tục ngữ nói: “Người ta vì tiền tài mà chết.” Tâm người đời thì yêu quý tiền tài, mong cầu tiền tài, tiền tài đến bao nhiêu cũng chưa cho là đủ, có đâu chuyện xả bỏ tiền tài mà giúp đỡ người khác! Do đó, xả bỏ tiền tài để làm tiêu tan tai khốn của người khác, cứu họ thoát khỏi nguy cấp, việc ấy đối với người

bình thường mà nói thì thật không dễ dàng gì, đối với người nghèo nói thì thật không dễ dàng gì, đối với người nghèo khổ mà nói thì lại càng khó khăn hơn. Cứ xét theo nhân quả mà nói: “Xả được, xả được, có xả ắt có được” ; “xả không được, xả không được, không xả thì không được!” Làm một phần việc thì được một phần phước báo, cho nên chớ lo buồn rằng vì chúng ta xả bỏ tiền tài để cứu giúp người mà khiến cuộc sống của chính mình bị lâm vào đường cùng.

8. **Hộ trì chánh pháp:** pháp đây là pháp của các tôn giáo. Giáo thì có chánh có tà, pháp cũng có chánh có tà ; tà pháp của tà giáo rất có hại cho nhân tâm, cần phải ngăn chặn chúng. Còn Phật-pháp có đủ chánh tri chánh kiến (biết đúng, thấy đúng) thì rất dễ khuyến đạo nhân tâm, vẫn hồi phong tục. Nếu có ai phá hoại Phật-pháp thì nhất định phải hết sức bảo hộ, duy trì Phật-pháp, không thể để cho họ phá hoại.
9. **Kính trọng bậc tôn trưởng:** những người có học vấn thâm sâu, kiến thức vững vàng, chức vị cao, thân phận lớn, tuổi tác nhiều, đều được gọi là bậc tôn trưởng. Ta phải kính trọng họ, không được coi thường họ.

10. Thương tiếc mạng sống của loài vật: phàm những loài vật có sinh mạng thì dù nhỏ như kiến, chúng cũng có tri giác, hiểu được khổ đau, và cũng ham sống, sợ chết. Ta phải thương xót chúng chứ nỡ nào giết bừa, ăn bừa chúng? Có người lại nói: “Các loài ấy vốn là để cung cấp cho người ăn.” Câu nói ấy quả thật chẳng thông tí nào, vả lại đấy là câu nói do người tham ăn đặt ra vậy.

Mười loại nói trên chỉ là thuyết minh khái lược, dưới đây là phần dẫn dụ rõ ràng.

Thế nào gọi là giúp người làm thiện? Ngày xưa khi vua Thuấn chưa lên ngôi, từ bên hồ Lôì Trạch, vua trông thấy những người đánh cá đều chọn chỗ nước sâu mà bắt cá. Một số ngư phủ lớn tuổi, ốm yếu thì bắt cá tại chỗ cạn và nước lại chảy mạnh.

(Nước chảy mạnh, cá không dừng lại được, chỗ cạn ít nước cá cũng không dừng tại đó! Không được như chỗ sâu cá đều tụ lại, lợi lui lợi tới, rất dễ bắt chúng, những người đánh cá trẻ tuổi, khỏe mạnh đều giành chiếm chỗ ấy).

Vua Thuấn thấy thế lòng thương xót những ngư phủ kia, bèn nghĩ ra một cách tự mình cũng tham gia bắt cá: thấy những người ưa thích tranh đoạt kia, vua che giấu những sai trái của họ đi, lại còn không nói ra cho ai nghe cả ; thấy những người đành chịu

nhường nhịn kia, vua lại đến khen ngợi họ, lấy họ để làm gương và học cái cung cách nhường nhịn của họ. Cứ thế, vua Thuấn bắt cá trong một năm, mọi người đều nhường nhau chỗ nước sâu, nước nhiều. (chuyện kể về vua Thuấn là nhằm để khuyến hóa người ta, chớ hiểu lầm là để khuyến khích người ta bắt cá. Bắt cá là phạm tội sát sinh, dứt khoát không nên bắt cá). Thế thì người hiểu biết, thông minh như vua Thuấn há không thể nói vài câu hay ho mà giáo huấn người, lại nhất định phải đích thân tham dự chứ? Phải hiểu rằng vua Thuấn không dùng lời để giáo huấn người mà lại đem chính mình ra làm gương, khiến người khác thấy thế, cảm thấy hổ thẹn mà cải biến cái tâm lý vị kỷ của chính họ, đấy quả là người đôn hậu, phải khổ công lắm vậy!

Nay chúng ta sinh vào thời mạt thế, nhân tâm, phong tục bại hoại, (làm người thật không dễ). Do đó, nếu người khác có chỗ không được như ta, ta cũng không nên đem ưu điểm của mình ra mà che lấp họ ; người khác có điều không thiện lành, ta cũng đừng đem cái thiện lành của ta ra mà so sánh với họ. Năng lực của người khác không bằng ta, ta cũng không nên đem cái năng lực ta có mà khiến họ khốn đốn. Tự mình dù có tài cán thông minh cũng nên thu giấu lại, đừng để lộ sự sáng sủa của ta ra bên ngoài, nên làm như không có tài cán thông minh. Hãy xem tài cán thông minh đều là hư, là giả. Thấy

người khác sai trái, hãy bao dung họ. Được như thế thì một mặt ta khiến họ có cơ hội hối cải lỗi lầm, mặt khác ta còn có thể khiến họ kiêng dè (sợ bị mất mặt) mà không dám luông tuông bừa bãi (đã bị mất mặt rồi thì họ không còn kiêng dè nữa). Thấy người khác có đôi phần ưu điểm, ta nên học hỏi ; hoặc họ có chút lòng thiện, việc tốt, ta nên ghi nhớ ; rồi lập tức xoay chuyển ý tứ, buông bỏ cái chủ kiến về mình mà học cái sở trường của người khác ; đồng thời hãy khen ngợi họ, tuyên dương họ cho người khác biết. Một người trong sinh hoạt bình thường, bất luận là nói lời gì hay làm việc gì chớ nên vì mình mà khởi lên một thứ ý niệm tự tư tự lợi ; trái lại nên nghĩ đến xã hội, đại chúng mà lập ra một quy tắc khiến mọi người có thể dễ dàng tuân thủ, như thế mới là một vĩ nhân ; xem tất cả những gì mà thiên hạ có đều là cái độ lượng công, không phải tư!

Thế nào gọi là giữ tâm kính ái? Từ bề ngoài mà nhìn người quân tử và kẻ tiểu nhân thì thường dễ lầm lẫn, không nhận ra thực, giả (vì kẻ tiểu nhân có thể giả nhân giả nghĩa mà mạo danh quân tử). Có điều về mặt giữ tâm thì quân tử là thiện, tiểu nhân là ác, hai bên trái hẳn nhau, sự khác biệt của họ cũng như hai màu đen và trắng, tuyệt đối trái ngược nhau, không giống nhau. Cho nên Mạnh tử nói: “Quân tử và tiểu nhân sở dĩ khác nhau là do ở chỗ giữ tâm vậy!” Cái tâm mà người quân tử giữ gìn chỉ là cái

tâm yêu người, kính người. Vì người thì có gần gũi, xa lạ, có cao quý, có thấp hèn ; có thông minh, có ngu tối ; có người đạo đức, có kẻ hạ lưu, ngàn ngàn vạn vạn loại người không giống nhau ; nhưng tất cả đều là đồng bào của ta, đều có sinh mạng như ta, có máu, có thịt, có cảm tình ; thế thì ai là người không chịu yêu họ, kính họ chứ ? Yêu kính mọi người tức là yêu kính Thánh Hiền. Hiểu rõ được ý tứ của mọi người tức là hiểu rõ được ý tứ của Thánh hiền. Vì sao? Vì Thánh Hiền vốn mong mỗi mọi người trên thế giới đều an cư lạc nghiệp, sống hạnh phúc mỹ mãn. Cho nên đâu đâu chúng ta cũng yêu người, đâu đâu cũng kính người, khiến người trên đời này ai ai cũng bình an hạnh phúc, như thế có thể nói rằng chúng ta đã thay mặt Thánh Hiền mà khiến người người trên đời đều được bình an phước lạc vậy.

Thế nào gọi là thành tựu cái tốt đẹp của người ? Hãy nêu dẫn để thấy rõ, nếu cứ tùy tiện bỏ lẫn bỏ lóc một viên đá, bên trong có ngọc thì viên đá ấy bất quá cũng như gạch ngói đã vỡ mà thôi, không đáng giá một xu. Nếu đem mài dũa đẽo gọt thì viên đá ấy trở thành viên ngọc vô cùng quý giá. Con người cũng như vậy, cũng hoàn toàn nhờ vào khuyến đạo, chỉ dẫn, cho nên thấy một người làm việc thiện hoặc một người lập chí hướng thượng mà tư chất xem ra cũng tốt thì ta nên khéo dẫn đạo, đề bạt người ấy, khiến người ấy trở thành người có tài, hữu dụng trong xã

hội ; hoặc ta khen ngợi, khích lệ, nâng đỡ người ấy ; nếu có ai gây oan uổng cho người ấy, ta biện bạch oan khuất cho người ấy, nêu rõ người ấy vô cớ bị người ta ác ý hủy báng (có thể dùng cách thay người ấy mà nhận lấy việc bị hủy báng để làm nhẹ sự hủy báng ấy, đấy gọi là chia nhau mà cùng chịu hủy báng), nhất định phải khiến người ấy lập thân được trong xã hội, rồi sau đó mới tính đến tâm ta.

Đại khái một người bình thường, đối với người không giống như mình thì không tránh khỏi cái cảm nhận chán ghét (như tiểu nhân ghét quân tử, người ác ghét người thiện).

Trong một làng, người thiện thì ít, người bất thiện thì nhiều; chính vì người bất thiện thì nhiều, người thiện thì ít cho nên người thiện ở trên đời thường bị người ác lừa gạt, hà hiếp, khó mà đứng vững được. Huống chi tính tình của bậc hào kiệt phần lớn là ngay thẳng, bất khuất, lại không chú ý đến vẻ bề ngoài. Người có con mắt thế tục chỉ nhìn những biểu hiện bên ngoài, rồi nói hay nói dở, tùy tiện phê bình ; cho nên làm việc thiện cũng thường dễ thất bại, người thiện cũng thường bị người ta chê bai. Gặp sự việc như thế, thì hoàn toàn nhờ vào người có lòng nhân, bậc trưởng giả mới có thể sửa lỗi cho người tà ác, bất chính và giáo đạo, chỉ dẫn người ấy cải tà quy chánh ; bảo hộ, giúp đỡ người thiện,

khiến người thiện được vững vàng ; cái công đức trừ bỏ tà, xiển dương chánh như thế thực vô cùng to lớn.

Thế nào gọi là khuyên người làm thiện ? Đã sinh ra trong đời mà làm người thì ai mà không có lương tâm. Nhưng chỉ vì hăm hở theo đuổi danh lợi mà cứ lãng xãng trong đời không dứt, chỉ muốn sao cho được danh lợi mà làm mờ tối lương tâm, không chọn lựa thủ đoạn cho phải mà thực hiện ; như thế thì rất dễ bị sa đọa. Cho nên lui tới giao thiệp với người (ta cần luôn lưu tâm quan sát họ) ; nếu thấy người ấy sắp phải sa đọa thì ta nên tùy lúc, tùy nơi mà thức tỉnh, cảnh cáo anh ta, soi sáng cho sự hồ đồ hỗn loạn của người ấy. Tỷ như đang đêm anh ta gặp cơn ác mộng, nhất định phải gọi anh ta, khiến anh ta mau mau tỉnh giấc ; lại tỷ như người ấy cứ mãi bị rơi vào trong phiền não, nhất định phải kéo nâng anh ta lên, khiến đầu óc anh ta trở thành thanh thản. Thì ơn giúp người như thế thì công đức thật là rộng rãi, trùm khắp vậy.

Ngày xưa Hàn Văn Công thường nói: “Dùng miệng mà khuyên người thì chỉ được một lúc, sự việc qua đi, người ta cũng quên mất ; hơn nữa, người ở nơi khác không cách gì nghe được. Dùng sách mà khuyên người thì truyền được trăm đời, lại có thể truyền khắp thế giới ; cho nên viết sách hay thì có cái công đức lập ngôn.” Ở đây nói dùng miệng mà khuyên, dùng sách mà khuyên người ta làm thiện.

đem so sánh với giúp người làm thiện, đã nói trên kia, tuy có vẻ giống nhau về hình thức, nhưng việc theo chúng bệnh mà cho thuốc không thể bỏ đi được. Lại nữa, khuyên người cũng cần khuyên cho đích đáng, tở như đối với người quá quật cường, nếu ta dùng lời mà khuyên thì không những khuyên vô ích mà lời khuyên cũng trở thành lời bỏ đi, đấy gọi là bỏ mất lời nói (thất ngôn). Nếu người ấy tính tình hòa thuận thì có thể dùng lời mà khuyên, nếu ta không khuyên thì lại làm lỡ mất cơ hội khuyên người làm thiện, đấy gọi là bỏ mất người (thất nhân). Bỏ mất lời, bỏ mất người đều là do chính mình thông minh không đủ, phân biện không ra, phải nên tự mình kỹ càng phản tỉnh, kiểm thảo ; được như thế thì nói không bỏ mất lời, cũng không bỏ mất người.

Thế nào gọi là cứu người bị nguy cấp ? Hoạn nạn đảo điên là việc trong đời người ta thường gặp phải. Hễ ngẫu nhiên gặp người hoạn nạn như thế, ta nên xem nỗi thống khổ của họ giống như đang ở trên thân ta, phải mau mau nghĩ cách giải cứu. (Người ấy gặp cảnh ngộ nào đó mà bị người ta áp bức oan uổng) thì ta, hoặc dùng lời lẽ rõ ràng mà biện hộ cho họ, hoặc dùng các cách cứu giúp khỏi khốn khổ. Thôi tiên sinh từng nói: “Ân huệ không kể lớn nhỏ thế nào, chỉ cần trong lúc người ta đang nguy cấp mà nhanh chóng đến giúp đỡ, như vậy là tốt rồi.” Câu

nói này quả thực là câu nói của người có lòng nhân vậy.

Thế nào gọi là kiến tạo lợi lớn ? Về mặt nhỏ thì ở trong một làng, về mặt lớn thì ở trong một huyện, hễ là việc có ích lợi cho công chúng thì đều nên thực hiện; hoặc khai thông đường mương cho nước chảy vào ruộng ; hoặc xây đê đập đê phòng thủy tai ; hoặc tu sửa cầu cống khiến cho phương tiện giao thông được thuận tiện ; hoặc đem cơm nước cứu người đói khát ; hễ gặp cơ hội thì đều nên khuyên bảo mọi người đồng lòng góp sức bỏ tiền, bỏ công ra mà xây dựng. (Dù cho có người ngấm ngấm hủy báng gây hại cho ta) ta cũng không nên vì tránh hiềm nghi mà không làm việc thiện ; cũng không nên sợ khổ nhục, ngại người khác đổ ky, oán hận mà thoái thác công việc, như thế là không nên.

Thế nào gọi là xả bỏ tiền tài, làm việc phước đức ? Trong vạn thứ thiện hạnh của nhà Phật, bố thí là trọng yếu nhất. Nói đến bố-thí là chỉ nói đến chữ xả, thứ gì cũng xả bỏ được hết là hợp ý tứ của Phật. Người biết rõ đạo lý một cách chân chánh thì bất cứ thứ gì cũng chịu xả bỏ ; như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý trên thân thể của chính mình, không có thứ gì là không thể xả bỏ đi. (Tỷ như Đức Phật từng tu hành tại Nhân-địa, đã xả thân cho hổ ăn. Sắc (hình sắc), thanh (âm thanh), hương (mùi hương), vị (như vị ngọt...), xúc (sự tiếp xúc, sờ chạm), pháp (các sự vật,

ý tưởng...) ở bên ngoài thân cũng đều có thể xả bỏ hết. Tất cả những gì mà một người có, không có thứ gì là không thể xả bỏ (nếu được như vậy thì thân tâm thanh tịnh, không phiền não, như Phật, Bồ-tát vậy). Nếu không thể xả bỏ mọi thứ thì trước hết hãy từ tiền tài mà ra tay bố thí. Người đời đều xem mặc áo, ăn cơm trọng yếu như là sinh mạng. Do đó bố thí tiền tài cũng vô cùng trọng yếu ; nếu ta có thể thích thú mà thực hiện việc xả bỏ tiền tài thì bên trong ta phá bỏ được cái bệnh hẹp lượng, bên ngoài ta cứu giúp được người khác khỏi cơn nguy cấp. Có điều, tiền tài không dễ hiểu ra được, mới đầu bỏ tiền ra bố thí, khó thoát khỏi đôi phần miễn cưỡng ; chỉ cần xả bỏ vài lần thì sẽ qua đi, trong lòng tự nhiên thanh thản, rồi sẽ không có gì là không thể xả bỏ được. Đây là sự tiêu trừ dễ dàng nhất cái ý tham, cái tâm vị kỷ của mình, cũng là sự trừ bỏ keo kiệt, chấp giữ của mình về tiền tài.

Thế nào gọi là hộ trì chánh pháp ? Pháp là con mắt của sinh linh từ ngàn vạn năm nay, cũng là cái mực thước của chân lý (nhưng Pháp thì có chánh có tà) nếu không có chánh pháp thì làm sao đủ để giúp sức cho cái đức của trời đất tạo hóa? Làm sao có thể khiến đủ loại người và đủ loại sự vật được thành tựu như cất vải may áo? Làm sao có thể thoát khỏi những thứ mê hoặc, những thứ trói buộc? Làm sao có thể xây dựng, sửa đổi hết thảy mọi sự việc trên

đời và thoát khỏi biển khổ của cái thế giới ô uế, của sinh tử luân hồi? (tất cả đều phải nhờ có chánh pháp mới được như có con đường lớn sáng sủa mà đi). Cho nên hẳn trông thấy các chùa miếu, ảnh tượng, kinh điển, di huấn của Thánh Hiền thì ta phải tỏ lòng kính trọng ; nếu trông thấy những thứ ấy bị hư hoại thì phải tu bổ sửa sang. Còn như chánh pháp của nhà Phật thì lại càng phải kính trọng, ra sức truyền bá, tuyên dương, khiến người ta trọng vọng thì mới có thể báo đáp ân đức của Phật. Đây là những gì ta cần phải dốc toàn lực mà thực hiện.

Thế nào gọi là kính trọng bậc tôn trưởng? Cha mẹ, huynh trưởng trong nhà ; vua chúa, quan lớn của quốc gia ; cho đến những người có tuổi tác, đạo đức, chức vị, kiến thức cao vời, cần phải được đặc biệt thành khẩn cung kính. Hầu hạ cha mẹ ở nhà thì cần phải có lòng yêu thương cha mẹ một cách thâm sâu, với vẻ dịu dàng nhu thuận ; đồng thời thanh âm phải trầm ấm, khí sắc phải sinh hòa ; cứ như thế mà không ngừng xông ướp thành thói quen thì sẽ biến thành tính tình tốt đẹp tự nhiên. Đây chính là biện pháp căn bản của cái hòa khí có thể làm cảm động lòng trời. Ra ngoài phục vụ quân vương thì bất luận việc gì cũng cần phải y chiếu theo phép nước mà làm. Chớ cho rằng vua không biết, rồi tự mình phóng túng làm bậy! Xét án một kẻ tội phạm, bất luận tội người ấy nhẹ hay nặng, đều phải thẩm vấn kỹ càng,

công bình mà chấp pháp, không được cho rằng vua không biết, rồi cứ tác oai tác phước oan uổng cho người ta. Hầu hạ quân vương phải cung kính như đối mặt với trời, đây là quy phạm mà người xưa đã định nêu, đây là chỗ có quan hệ vô cùng lớn lao đối với âm đức. Chúng ta hãy thử xem, hễ ai là người trung hiếu thì con cháu họ không thể không phát đạt lâu dài mà tiền đồ lại còn hưng vượng, cho nên nhất định phải lưu ý cẩn thận để thực hiện việc kính trọng bậc tôn trưởng.

Thế nào gọi là thương tiếc mạng sống của loài vật ? Nên biết một người sở dĩ nghĩ rằng mình là người chính là ở chỗ người ấy có một cái tâm trắc ẩn vậy. (Cho nên Mạnh tử nói. “Không có lòng trắc ẩn thì không phải người”) tìm cầu lòng nhân chính là tìm cầu cái tâm trắc ẩn này ; tích chứa công đức cũng chính là tích chứa cái tâm trắc ẩn này. Có tâm trắc ẩn chính là có lòng nhân ; có tâm trắc ẩn chính là có công đức (không có tâm trắc ẩn là không có lòng nhân, không có đạo đức). Sách Chu Lễ có nói: “Mỗi năm vào tháng Giêng (tháng giêng là tháng loài vật có thai) không dùng con mẹ để làm phẩm vật tế lễ (vì phòng trong bụng chúng có thai). Mạnh tử nói: “người quân tử không chịu ở gần nhà bếp” chính là để bảo toàn cái tâm trắc ẩn của mình vậy. Cho nên các vị tiên bối có giới cấm rằng không được ăn bốn loại thịt: như nghe tiếng kêu của con vật bị giết thì

không ăn thịt nó ; hoặc chính mình nuôi nó lớn thì không ăn thịt nó. Kế hậu bồi nếu muốn học cái tâm nhân từ của các bậc tiền bối mà nhất thời không thể ngưng ăn thịt cá (ăn mặn) thì nên theo cách của các tiền bối mà giữ các giới cấm trên. Chiếu theo Phật Pháp mà nói thì hết thủy loài vật có sinh mạng đều do vì đời trước đã làm ác nên sinh ra làm súc sinh ; đến khi chúng đền tội xong thì có thể sinh làm người. Làm người mà chịu tu hành thì cũng có thể thành Phật. Thế thì thịt mà hôm nay ta ăn khó chắc rằng đây không phải là thịt của vị Phật trong tương lai? Lại nữa, những con vật hiện nay trong vô lượng đời trước nhất định đã từng làm người, thế thì có thể chúng đã từng là cha, mẹ, vợ, con, bà con, bạn bè của ta trong đời trước. Hôm nay ta là người, họ là súc sinh, ta ăn thịt họ tức là ta phạm tội sát, là ta kết với họ mối thù giết mạng. Nếu con vật bị ta ăn đời sau đền sạch tội mà sinh làm người, còn ta thì tạo tội phải sinh làm súc sinh, e rằng con vật ấy cũng muốn báo thù ta về việc ta đã giết nó mà đến giết ta, ăn thịt ta. Nếu như thế thì ta có nên sát sinh chăng? Có còn ăn thịt được chăng? Hướng chi bảo rằng thịt thì ngon cũng chẳng qua chỉ trong khoảng thời gian thịt qua miệng đến yết hầu là còn có mùi vị, chứ đến khi nuốt xong thì thịt còn mùi vị gì đâu, so với thức ăn chay có khác gì đâu, tại sao lại nhất định muốn sát sinh tạo tội chứ?

Tuy nhất thời không thể không ăn thịt được, ta cũng nên dần dần ít ăn thịt cho đến khi hoàn toàn không ăn thịt. Cứ như thế, thì cái tâm từ bi sẽ càng lúc càng lớn thêm. Chẳng những giữ giới không sát sinh mà còn đối với những con vật nhỏ li ti, không kể là ngu tối hay lanh lợi, hễ phạm là có sinh mạng thì ta đều nên dứt khoát không làm hại sinh mạng của chúng. Như muốn có tơ để làm y phục, ta thả kén tằm vào nước rồi nung như thế là đã giết sinh mạng của bao nhiêu tằm; cuốc đất làm ruộng là giết hại biết bao nhiêu sinh mạng của trùng bọ dưới đất. Hãy nghĩ xem áo chúng ta mặc, cơm chúng ta ăn từ đâu mà có? Tất cả đều do giết hại sinh mạng của chúng sinh để nuôi dưỡng tự thân chúng ta ; cho nên cái tội phải bỏ lương thực, lãng phí đồ dùng thực ra cũng tương đương như tội sát sinh.

Cho đến những sinh mạng do ta tiện tay vô ý làm hại, những sinh mạng do ta vô tâm dẫm đạp lên mà bị chết thì không biết được bao nhiêu nữa ; do đó phải nên tìm cách tránh cho khỏi xảy ra như vậy. Ngày xưa Tô Đông Pha có bài thơ rằng: “Yêu bọ chuột, thường dành cơm lại, thương lũ ngài, không chịu đốt đèn.” (Ái thử thường lưu phạn, lân ngài bất điểm đăng: sợ chuột chết đói nên dành lại ít cơm cho chuột, thương xót mấy con ngài phóng vào đèn mà chết bỏng cho nên không đốt đèn lên). Lời thơ ấy thật nhân hậu từ bi biết bao!

Việc thiện vô cùng tận, làm sao có thể nói hết được; chỉ cần mười chuyện đã kể trên đây mà suy diễn rộng rãi thì vô số công đức đều đầy đủ trọn vẹn.



Bài Thứ Tư

HIỆU QUẢ CỦA ĐỨC KHIÊM TỐN

Quẻ Khiêm của Kinh Dịch bảo: “Cái đạo lý của trời, bất luận là thế nào, hễ người nào kiêu ngạo tự mãn thì sẽ khiến người ấy bị tổn hại, còn ai khiêm tốn thì sẽ khiến người ấy được chỗ lợi ích. Cái đạo lý của trời đất, bất luận là thế nào, hễ người nào kiêu ngạo tự mãn, cũng sẽ khiến người ấy cải biến, không để cho người ấy đầy đủ mãi ; còn ai khiêm tốn, thì sẽ khiến người ấy được nhuận ướ, không khô khan, cũng giống như chỗ thấp, nước chảy qua, nhất định sẽ làm đầy chỗ khuyết thiếu của người ấy. Cái đạo lý của quỷ thần, hễ ai kiêu ngạo tự mãn thì sẽ khiến người ấy bị thiệt hại, còn ai khiêm tốn thì sẽ khiến người ấy được phước lạc. Cái đạo lý của người thì chán ghét người kiêu ngạo tự mãn mà yêu thích người khiêm tốn.” Xem như thế thì trời, đất, quỷ, thần, người đều xem trọng người khiêm tốn cả. Sáu mươi bốn quẻ mà Kinh Dịch giảng đều là sự biến hóa của trời đất, âm dương, dạy người ta phương pháp làm người.

Trong mỗi quẻ, mỗi hào đều có hung (xấu), có cát (tốt). Quẻ hung thì cảnh giới người ta bỏ ác theo thiện, khích lệ người nên mỗi ngày mỗi mới. Chỉ

riêng có quẻ Khiêm này là hào nào cũng đều cát tường (may mắn) cả. Kinh Thư cũng nói: “Tự mãn thì sẽ mời gọi sự tổn hại, khiêm tốn thì sẽ thọ nhận lợi ích.” Ta cũng thường thấy những nho sinh nghèo khổ, đến khi họ thi đỗ thì nhất định trên mặt phát ra một vẻ khiêm hòa, an tường, tựa như họ được nâng bổng lên vậy.

Năm Tân Mùi, khi ta đến kinh đô dự thi, chỉ có Đinh Kính Vu (Tân) là người tuổi còn rất nhỏ và lại rất khiêm tốn. Ta nói cho người cùng dự thi với ta là Phí Cẩm Pha biết rằng: “anh bạn này năm nay nhất định thi đậu.” Phí Cẩm Pha nói: “sao biết được như vậy?” Ta nói: “chỉ có người khiêm tốn mới có thể thọ nhận phước báo. Anh xem trong mười người chúng ta, có ai thành thực đôn hậu, việc gì cũng không dám quyết định trước người khác như Kính Vu chẳng? Có ai cứ cung kính, việc gì cũng đều chịu nhận, chú ý khiêm tốn như Kính Vu chẳng? Có ai cam chịu nhục mà không đáp lại, nghe người khác hủ báng mà không tranh luận như Kính Vu chẳng? Một người mà có thể làm được như vậy thì được trời đất, quỷ thần đều bảo hộ, há có chuyện người ấy không được phát đạt sao? Đến khi treo bảng kết quả, Đinh Kính Vu quả nhiên trúng tuyển.

Năm Đinh Sửu, ta đang ở kinh đô, cùng trọ một chỗ với Phùng Khai. Ta nhận thấy anh ta rất giữ tâm khiêm tốn, sắc mặt hòa thuận, không hề có chút

kiêu ngạo ; khác nhiều với thói quen hồi nhỏ. Anh ta có một người bạn rất ngay thẳng, thành thực là Lý Tế Nham, thường chỉ trích những sai lầm của anh ngay trước mặt anh ; ta chỉ thấy anh bình tĩnh, thanh thản tiếp nhận sự trách cứ của bạn mà không một lời phản bác. Ta bảo anh: “một người có phước thì nhất định có căn mầm của phước. Nếu có họa thì nhất định có điềm báo của họa. Chỉ cần có lòng khiêm tốn thì nhất định sẽ được trời giúp. Năm nay nhất định anh thi đỗ đấy!” về sau quả thật anh ta đỗ.

Triệu Dụ Phong, tên Quang Viên, người ở huyện Quán tỉnh Sơn Đông, tuổi chưa đến 20 đã thi đỗ Cử nhân. Về sau ông còn đi thi nhiều lần nhưng lại không đỗ. Cha ông làm Chủ Bạ (chuyên việc sổ sách) ở huyện Gia Thiện. Dụ Phong theo cha cùng đến nhiệm sở. Dụ Phong hết sức kính mộ học vấn của một danh sĩ ở Gia Thiện là Tiền Minh Ngô, bèn đem văn của mình đến cho ông ta xem, nào ngờ vị Tiên sinh họ Tiền này lại hý bút bôi xóa toàn bộ bài văn ấy. Triệu Dụ Phong không những không giận mà còn tâm phục khẩu phục, đem bài văn của mình mà sửa đổi những chỗ sai sót (Giữ lòng khiêm tốn được như vậy, thực hiếm thấy ở những người trẻ tuổi). Đến năm sau, Dụ Phong thi đỗ.

Năm Nhâm Thìn, khi đến kinh đô yết kiến vua, ta gặp một nho sĩ tên là Hạ Kiên Sở, thấy khí chất của

ông ta hư hoại như hang rỗng, chẳng có chút thần khí kiêu ngạo nào ; còn vẻ sắc khiêm tốn của ông thì lại như gân gỏi với người khác. Ta trở về nói với bạn bè rằng: “Hễ trời cao muốn cho một người phát đạt thì khi phước của người ấy chưa phát, nhất định trước hết phải khai phát trí tuệ của người (ly, khi trí tuệ đã phát thì người bông lông tự nhiên biến thành người thành thực, người phóng túng cũng tự nhiên trở thành người chừng mực. Kiến Sở đã đạt đến mức ôn hòa thiện lương như vậy, tức là đã phát trí tuệ, trời cao nhất định sẽ phát phước cho anh ta!” Đến khi có kết quả thi, quả nhiên Kiến Sở được trúng tuyển.

Huyện Giang Âm (tỉnh Giang Tô) có vị nho sĩ tên là Trương Úy Nham, có học vấn thâm sâu, văn chương rất tài tình, rất nổi tiếng trong đám nho sĩ. Năm Giáp Ngọ ông tham dự kỳ thi Hương ở Nam Kinh, ở nhờ tại một tu viện; đến khi có bảng kết quả, tên ông không có trên bảng ông không chịu phục, trách mắng các quan Giám khảo không có mắt tinh tường, không thấy được cái hay của văn chương ông ... Bấy giờ có một đạo sĩ đứng cạnh đó mỉm cười. Trương Úy Nham lại càng thêm giận mà nói: “ông chưa học được văn của tôi sao biết được tôi viết không hay?” Đạo sĩ đáp: “ta thường nghe người ta nói, cái quan trọng nhất của văn chương là tâm bình thân, khí hòa thuận ; nay nghe anh trách mắng các

quan Chủ khảo, đủ rõ rằng tâm của anh rất không bình thản, khí của anh quá thô bạo, thế thì văn chương của anh làm sao mà hay được chứ?" Trương nghe đạo sĩ nói thế bỗng nhiên chịu phục ; do đó mới quay ra xin đạo sĩ dạy dỗ cho. Đạo sĩ nói: "muốn đỗ đạt công danh, hoàn toàn là nhờ vào số mạng, mạng không có số thì đỗ thì dù cho văn chương có hay cũng chẳng lợi ích gì (vận không thi đỗ). Nhất định anh phải nỗ lực cải biến." Trương hỏi: "đã là số mạng thì làm sao cải biến được?" Đạo sĩ đáp: "cái quyền tạo số mạng tuy là do trời, nhưng cái quyền lập mạng thì lại do ta ; chỉ cần anh hết lòng làm việc thiện, tích tập nhiều âm đức thì phước nào lại chẳng đến chứ?" Trương nói: "tôi chỉ là một nho sinh nghèo nàn, có thể làm việc thiện nào được chứ?" Đạo sĩ nói: "làm việc thiện, tích tập công đức đều từ cái tâm này mà ra. Chỉ cần luôn giữ cái tâm làm việc thiện, tích tập công đức thì phước đức sẽ vô lượng vô biên. Cũng như sự khiêm tốn, tại sao anh không tự phản tỉnh rằng công phu của chính anh quá nông cạn, không thể khiêm tốn được, lại mắng trách quan Giám khảo không công bình chứ?"

Trương nghe đạo sĩ nói xong, từ đó cố trấn áp cho tiêu sự kiêu ngạo, tự mình giữ gìn mình, không đi con đường sai trái nữa. Ngày ngày ông đều gắng thêm để tu thiện, ngày ngày đều gắng thêm để tích chứa âm đức. Đến năm Đinh Dậu, một hôm ông

nằm mộng thấy đến một tòa nhà ở một nơi rất cao, xem thấy danh sách trong cuốn sách ghi việc thi cử có nhiều dòng bị bỏ trống. Trương không hiểu, bèn hỏi người bên cạnh: “tại sao trong danh sách lại có nhiều dòng bị để trống như thế này?” Người ấy đáp: “đối với những người dự thi kia, cứ ba năm coi âm lại tra xét một lần. Ai nhất định tích tập âm đức, không phạm tội lỗi thì mới có tên trong sách này. Những hàng còn trống ở trước cuốn sách là chỉ những người trước kia vốn đáng thi đỗ ; nhưng gần đây họ phạm tội lỗi nên tên của họ bị xóa đi.” Sau đó, người ấy lại chỉ vào một hàng mà nói: “ba năm nay ông lưu tâm giữ gìn mình, không phạm tội lỗi, có thể xứng đáng được bổ sung vào hàng trống này, hy vọng ông trân trọng thương yêu chính mình mà không phạm tội lỗi.” Quả nhiên, lần ứng thí năm đó, Trương đỗ thứ 105.

Cứ xem những gì đã nói trên đây, ngẩng đầu cao ba thước, nhất định có thần minh giám sát hành vi của người ta ; do đó việc có lợi cho người, việc cát tường đều phải mau chóng thực hiện ; việc hung hiểm, tổn hại cho người thì phải tránh xa, chớ làm; đây là điều do chính ta quyết định được. Chỉ cần ta giữ tâm thiện lành, kìm giữ mọi hành vi bất thiện, chẳng có chút gì đắc tội với trời đất quỷ thần ; đồng thời lại phải giữ lòng khiêm tốn, tự mình quyết không kiêu ngạo, khiến trời đất quỷ thần lúc nào cũng

thương xót ; được như thế thì mới có thể có căn cơ thọ nhận phước lạc. Còn những người ăm ắp ngạo khí, nhất định chẳng phải là kẻ rộng lượng cao xa ; dù có mưu cầu phát đạt cũng không thể thọ hưởng được phước báo lâu dài. Người có chút ít hiểu biết, nhất định không chịu làm cho cái độ lượng của chính họ thành quá hẹp hòi để phải bỏ đi cái phước mình có thể đạt được ; huống chi người khiêm tốn thì còn có chỗ có thể thọ nhận sự chỉ dạy (nếu người ta không khiêm tốn thì ai mà chịu chỉ dạy cho?) Vả lại, người khiêm tốn chịu học hỏi cái tốt của người khác ; người khác có hành động thiện thì người khiêm tốn tìm đến học hỏi ; được như thế thì cái thiện lành không bao giờ cùng tận. Người chăm chuyên thăng tiến công đức, tu tập hạnh nghiệp như thế nhất định là người không thể có gì thiếu sót vậy!

Người xưa có nói: “có lòng mong cầu công danh thì nhất định có thể đạt công danh ; có lòng mong cầu phú quý thì nhất định có thể đạt phú quý.” Một người có chí hướng cao cả thì giống như cây có rễ (cây có rễ thì sẽ sinh ra chồi, cành, hoa, lá). Người ta muốn xác lập cái chí hướng cao cả thì trong mỗi ý nghĩ đều phải giữ khiêm tốn ; dù có gặp phải những việc thật nhỏ như tro bụi cũng muốn làm cho người khác được thuận lợi ; nếu được như vậy thì tự nhiên có thể cảm động trời đất ; còn tạo phước thì hoàn toàn do chính tự ta, do chính tấm lòng chân thật của

ta tạo thì mới thành được. Hiện nay có một số người mong được công danh, mới đầu chẳng có lòng thành nào, bất quá chỉ cao hứng nhất thời mà thôi ; hứng khởi đến đâu thì cầu tìm, hứng khởi lui thì ngưng dứt. Mạnh tử nói với Tề Tuyên Vương: “Đại vương ưa thích âm nhạc, nếu mà ưa thích đến cực điểm thì quốc vận nước Tề đại khái có thể hưng vượng. Nhưng Đại vương ưa thích âm nhạc thì chỉ là cá nhân truy tìm hạnh phúc mà thôi ; nếu có thể đem được cái lòng truy tìm hạnh phúc cá nhân mà mở rộng ra cho đến nhân dân cùng hạnh phúc; khiến trăm họ đều hạnh phúc thì như thế nước Tề sao mà không hưng vượng được chứ?” Ta thấy cầu mong được khoa bảng cũng như thế, cần phải có cái tâm cầu khoa bảng mở rộng cho đến việc tích tập công đức , thực hành việc thiện ; như thế là mạng vận và phước báo đều do chính ta quyết định vậy.



Phu Lục

Liễu Sử Cựu Sĩ Liễu Phàm

Liễu Phàm vốn tên là Viên Hoàng, tự là Khôn Nghi người huyện Ngô Giang, tỉnh Giang Tô. Lúc còn nhỏ, Tiên sinh ở rể tại nhà họ Thù, huyện Gia Thiện, tỉnh Triết Giang ; nhân đó được cấp học bổng làm công đọc sinh tại huyện Gia Thiện. Vào năm Long Khánh thứ 4 (1570 TL) đời Minh Mục Tông, Tiên sinh đỗ Cử nhân trong kỳ thi Hương ; năm Vạn Lịch thứ 14 (1586 TL) đời Minh Thần Tông, đỗ Tiến sĩ, vâng lệnh đến huyện Bửu Đễ tỉnh Hà Bắc làm Huyện Trưởng. Bảy năm sau, Tiên sinh được thăng làm Chủ quản Ty Chức phương thuộc Bộ Binh, vừa mới nhận chức thì quân Nhật xâm phạm Triều Tiên. Triều Tiên cầu cứu Trung Quốc gửi viện binh. Quan Kinh Lược (Trưởng quan về quân sự đóng tại Triều Tiên) là Tống Ứng Xương tấu trình cho Liễu Phàm giữ chức “Quân tiên tán hoạch” (tham mưu trưởng) kiêm đốc đạo quân đội Triều Tiên. Đề đốc Lý Như Tùng đang nắm binh quyền, bàn chuyện hòa với quân Nhật, giả hứa sẽ cấp chức vụ bổng lộc cho. Quân Nhật tin thật nên không đề phòng gì. Lý Như Tùng phát binh đột kích, phá tan những nơi địa thế hiểm yếu, do đó mà đánh bại được quân Nhật.

Tiên sinh Liễu Phàm nhân sự việc ấy mà chỉ trích Lý Như Tùng rằng không nên dùng thủ đoạn xảo trá để đối phó với quân Nhật, như thế là làm tổn hại uy danh quốc gia của triều đại Minh. Vả lại, bọn binh sĩ thủ hạ của Lý Như Tùng giết hại dân bừa bãi, lại được ghi công đầu. Liễu Phàm cứ lấy lý mà đấu tranh với Lý Như Tùng. Lý Như Tùng giận dữ, không những không tiếp nhận lời khuyên bảo, lại còn tự ý mang quân đội tiến về phía Đông, khiến đội quân do Liễu Phàm suất lĩnh bị cô thế, không có quân cứu viện. Quân Nhật thừa cơ tấn công đội quân của Liễu Phàm, may mà Liễu Phàm có cơ trí ứng phó, đẩy lui được quân Nhật. Còn đội quân của Lý Như Tùng thì sau cùng bị quân Nhật đánh bại. Muốn tìm cách chạy tội, Lý Như Tùng bèn nêu ra mười tội danh gán cho Viên Liễu Phàm. Liễu Phàm nhanh chóng bị đề nghị đưa ra xét xử, cuối cùng, đang giữ chức Thập Di (Gián Quan), ông bị buộc ngưng chức mà về quê. Tại quê nhà, Liễu Phàm hết sức thành khẩn thiết thực, chuyên làm việc thiện cho đến hết đời. Tiên sinh mất khi thọ 74 tuổi.

Vào năm Thiên Khải đời Minh Hy Tông, án oan của Liễu Phàm mới được trắng rõ, triều đình truy cứu lại công lao chinh thảo quân Nhật của Tiên sinh. Phong tặng Tiên sinh quan hàm “Thượng Bửu Ty Thiếu Lang.” Tiên sinh Liễu Phàm từ khi còn là học sinh đã rất thích nghiên cứu học vấn, bất luận

sách xưa hay nay, chẳng kể việc nhẹ hay nặng, Tiên sinh đều hết lòng nghiên cứu và thông đạt tất cả, như: Thiên văn, Luật pháp, Thủy lợi, Lý số, Đinh bị, Chính trị, Địa lý, ...

Trong lúc làm huyện trưởng tại huyện Bửu Đẻ, Tiên sinh Liễu Phàm hết sức chú trọng đến phúc lợi của nhân dân, luôn luôn tìm cách làm sao cho địa phương được lợi. Bấy giờ huyện Bửu Đẻ thường bị nạn ngập nước, Tiên sinh tích cực xây dựng thủy lợi, khai thông ba nhánh sông với nhau, xây đê phòng chống nạn nước xâm nhập. Lại còn chỉ bảo nhân dân trồng liễu ở ven biển, mỗi khi nước biển tràn vào mang đất cát đổ lên bờ, gặt các cây liễu đốn đống lại, lâu ngày biến thành một dãy đê. Tiên sinh đốc thúc chỉ đạo dân chúng đào các ngòi lạch trên đê, lại khuyến khích dân trồng trọt. Do đó đất bỏ hoang dần dần được khai khẩn. Tiên sinh lại miễn cho dân các thứ tạp dịch để thuận tiện trong sinh hoạt của dân, khiến dân được an cư lạc nghiệp.

Trong nhà Tiên sinh Liễu Phàm chẳng có tài sản gì, sinh hoạt trong nhà rất đơn sơ nhưng Tiên sinh lại rất ưa thích bố thí. Mỗi ngày Tiên sinh đều tụng kinh, trì chú, tham thiền, tịnh tọa, tu tập chỉ quán, không kể việc công tư bận rộn, Tiên sinh đều theo đúng thời biểu đã định, không bao giờ gián đoạn. Qua đó, Tiên sinh viết ra bốn chương đoản văn, bấy giờ gọi là “Giới tử văn” (văn răn dạy con để dạy con

mình, sau đó được lưu hành rộng rãi trong đời, tức là sách “Liễu Phàm Tứ Huấn” tức là Bốn Bài dạy của Liễu Phàm này đây).

Phu nhân của Tiên sinh Liễu Phàm rất hiền thực, thông minh, thường giúp Tiên sinh hành thiện, bố thí, lại y theo các công đức Tiên sinh đã làm mà ghi vào sổ công quá cách (sổ ghi các điều thiện, điều ác đã làm). Vì không từng được học nên bà không biết viết chữ, do đó bà dùng cọng lông ngỗng chấm mực đỏ mực đen, mỗi ngày đều ghi ký hiệu lên cuốn lịch. Có lần bà may áo khoác mùa đông cho con, định mua sợi lông để làm áo trong. Tiên sinh hỏi: “Trong nhà có bông tơ vừa nhẹ vừa ấm, sao lại mua sợi lông?” Phu nhân đáp: “Bông tơ khá đắt tiền, sợi lông rẻ hơn nhiều, tôi định đem bông tơ nhà mình đổi sợi bông, như thế thì có thể đủ may mấy cái áo bông tặng cho người nghèo khổ mặc qua đông!” Tiên sinh nghe thế thì rất vui mừng mà nói: “Bà còn bố thí cung kính thành khẩn như thế thì chẳng sợ gì con chúng ta không có phước báo!” Con của hai người là Viên Nghiễm về sau đỗ Tiến sĩ, ông về hưu khi đang giữ chức Huyện trưởng huyện Cao Yếu tỉnh Quảng Đông.

Bàn Thiệu Thăng

đời Minh soạn

PHƯƠNG DANH CHỮ PHẬT TỬ ẤN TỔNG

-----000000000000-----

Tỳ-Kheo Thích Minh Quang
Sư cô Diệu Thanh
Sư cô Diệu Tịnh
Sư cô Huệ Tâm
Sư cô Huệ Liên
Bùi Nghĩ-Quảng Chơn
Công Ngọc
Diệu Bảo
Diệu Báo
Diệu Chơn
Diệu Hạnh Đỗ
Diệu Hoa Đặng
Diệu Hồng
Diệu Hường
Diệu Kính và Thái
Diệu Kim
Diệu Minh - Hồng Diệp
Diệu Minh Chi
Diệu Mỹ
Diệu Ngọc
Diệu Quang Phạm
Diệu Tâm
Diệu Tâm Kathy Đào
Diệu Tánh
Đỗ Thị Diệp
Hạnh Ngọc
Hạnh Thông

Hồ Đức Nguyễn
Hồ Đức Quang Trung
Hồ Thị Mai Lĩnh
Hồ Thị Minh Châu
Hồng Hoa
Kelly Bạch - Tina Bạch
Kim Nhân
Lê Thanh Thủy-Nguyên Nhuận
Lê Trung Trực
Lê Vũ Linh
Lê Phước
Minh Quang
Minh Trí
Nguyễn Giải
Nguyễn Định - Kim Chung
Nguyễn Đức
Nguyễn Đức Hoàng
Nguyễn Hoa
Nguyễn Lâm-Thánh Phước
Nguyễn Giang
Nguyễn Bích Hà-Diệu Hải
Nguyễn Thế Minh-Thiện Tâm
Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Nguyễn Thị Mao
Nguyễn Thị Thuộc-Đức Thảo
Nguyễn Thị Ngọc Tân
Nguyễn Thị Phương Mai

Nguyễn Trung Hiếu
Nguyễn Huỳnh Kim
Phạm Thị Lan-Diệu Phương
Phan Thị Sự-Nguyên Lý
Quách Khả Nga
Quách Đình Chi
Quách Sâm
Quảng Hương Chi
Quảng Mai
Sông Nguyên
Tâm Bích
Gia đình Diệu Hồng
Gia đình Diệu Cát Tường
Gia đình Minh Đăng - Tâm Thảo
Gia đình Huỳnh Phương - Trí Đức
Gia đình Nguyên Hỷ
Gia đình Phạm Đình Nguyên - Trí Hải
Gia đình Trần Ngọc Quyên - Quảng Huệ
Gia đình Nguyễn thị Thiên Cung - Tuệ Kính, Nguyễn thị
Thiên Kim - Diệu Hiền xin hồi hướng Hương linh Cụ Bà
Nguyễn Kim Ngoan pháp danh Diệu Ngân.
Chư Tăng, Ni, Phật-tử chùa Quan Âm Orange County...

Tâm Khương
Tâm Nhật
Tạ Đình Tiêng - Thiện Minh
Thanh Thái
Thiện Diệu
Tường Ngọc
Trần Ngọc Bích
Trần Văn Vĩnh - Võ Thị Ánh
Trung Như - Trung Tịnh
Trùng Phú - Nguyễn Dư
Tuyết Nga - Mỹ Dung

**Nguyện đem công đức này
Hồi hướng khắp tất cả
Chúng con và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.**